

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

**NGÂN HÀNG XĂNG DẦU PETROLIMEX**

Tầng 16, 23, 24 tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội  
Tel: 04 6 2811 298 Fax: 04 6 2811 299  
[www.pgbank.com.vn](http://www.pgbank.com.vn)





# MỤC LỤC

<b>I</b>	<b>GIỚI THIỆU PG BANK</b>	
1	THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	02 - 03
2	THÔNG TIN CHUNG	04
3	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	05
4	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	06
5	DẤU ÁN TIÊU BIỂU CỦA PG BANK TRONG NĂM 2016	07
6	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ	08
7	CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2012 - 2016	09
8	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	10
8.1	TẦM NHÌN	11
8.2	CHIẾN LƯỢC KINH DOANH	11
8.3	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	11
9	DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG	12
<b>II</b>	<b>BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO</b>	13
1	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	14
2	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	15
2.1	CỔ PHẦN	15
2.2	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỔ SỞ CỔ PHẦN HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG	15
2.3	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	15
3	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	16
4	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	16
4.1	ĐÁNH GIÁ CHUNG	16
4.2	KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2016	17
4.3	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	18
4.4	ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017	19 - 20
5	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PG BANK	21
5.1	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÃ ĐHĐCD ĐỀ RA	21 - 22
5.2	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	23
5.3	ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017	23 - 24
<b>III</b>	<b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>	
1	TỔ CHỨC NHÂN SỰ	26
1.1	NGUỒN NHÂN LỰC	26
1.2	MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC	26
2	GIỚI THIỆU HĐQT	27 - 28
2.1	CƠ CẤU HĐQT & TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA PG BANK	29
2.2	CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT	30 - 31
3	GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH	32
4	GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT	33
4.1	DANH SÁCH THÀNH VIÊN BKS & TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA PG BANK	33
4.2	HOẠT ĐỘNG CỦA BKS	34
<b>IV</b>	<b>QUẢN TRỊ RỦI RO</b>	
1	RỦI RO TÍN DỤNG	35
2	RỦI RO THANH KHOẢN	35
3	RỦI RO THỊ TRƯỜNG	35
4	RỦI RO HOẠT ĐỘNG	35
5	MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	36 - 40
<b>V</b>	<b>CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI</b>	41 - 43
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	44 - 90



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

2016 là một năm kinh tế thế giới đầy khó khăn và thách thức đã làm thay đổi khuynh hướng kinh tế toàn cầu và dự báo sẽ còn duy trì tác động đến năm 2017. Trong bối cảnh này, nền kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những dấu hiệu cho thấy tính dễ bị tổn thương trước các cú sốc, tăng trưởng kinh tế cả năm chỉ đạt 6,21%.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế và thông tin bất lợi trên thị trường ba năm qua về việc sáp nhập với Ngân hàng TMCP Công thương (VietinBank), hoạt động kinh doanh của PG Bank bị ảnh hưởng rất lớn, nhưng nhờ sự đồng lòng ủng hộ của Quý Cổ đông, các khách hàng cùng toàn thể cán bộ nhân viên PG Bank, năm 2016 Ngân hàng đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ và đặc biệt đã kiểm soát tốt rủi ro. Huy động và cho vay đều mở rộng quy mô đồng thời đảm bảo an toàn hoạt động, chi phí hoạt động được kiểm soát hiệu quả hơn, nợ xấu giảm và ở mức an toàn (2,47%). Kết quả đạt được tuy chưa cao nhưng rất đáng được ghi nhận khi lợi nhuận trước thuế gấp gần 3 lần năm 2015, hiệu quả hoạt động kinh doanh (ROAA, ROAE) và hiệu quả tín dụng (NIM) đều tăng khá. Kết quả này là sự khẳng định mạnh mẽ của PG Bank rằng tuy đối mặt với rất nhiều thử thách nhưng chúng tôi vẫn vững vàng vươn lên.

PG Bank luôn đề cao sự minh bạch, liên tục cải tiến các quy trình nghiệp vụ, kiện toàn bộ máy quản trị, điều hành, đồng thời hoàn thiện cơ cấu và nâng cao năng lực nhân sự - những thành viên vô cùng quan trọng trong ngôi nhà PG Bank. Năm 2016, Ngân hàng đã phát triển nhiều sản phẩm, dịch vụ mới với những ưu đãi về lãi suất và các chính sách đặc thù phù hợp với từng địa bàn để thu hút khách hàng, đẩy mạnh hoạt động cho vay khách hàng cá nhân.

Bên cạnh đó, các sản phẩm đặc thù của PG Bank như thẻ Flexicard, F-card, dịch vụ Chuyển tiền nhanh (Flexipay), thu hộ tiền xăng dầu tại hơn 2.100 cây xăng trên cả nước vẫn được chú trọng triển khai tích cực và là ưu thế vượt trội của Ngân hàng.

Thưa Quý vị,

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh năm 2017 còn nhiều thách thức và biến động phức tạp, PG Bank sẽ tiếp tục ưu tiên phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng, tập trung phát triển hoạt động dịch vụ, kiện toàn mạng lưới đồng thời nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, sự quyết tâm, đồng lòng của toàn thể Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên, PG Bank sẽ thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đề ra, cũng như các mục tiêu dài hạn, giữ vững hình ảnh Ngân hàng phát triển bền vững và có uy tín trên thị trường.

**Trân trọng!**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Ngọc Bảo



Ông BÙI NGỌC BẢO - CHỦ TỊCH HĐQT PG BANK





## 2 THÔNG TIN CHUNG

### Tên đầy đủ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX**

### Tên tiếng Anh:

**Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank**

### Tên viết tắt:

**PG Bank**

### Tên giao dịch:

**Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex**

### Giấy phép thành lập:

Số 0045/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp ngày 13/11/1993, Quyết định số 3061/QĐ-NHNN ngày 30/12/2013 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1400116233. Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/03/2015.

### Vốn điều lệ:

**3.000.000.000.000 đồng**

### Hội sở chính:

Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Website:** [www.pgbank.com.vn](http://www.pgbank.com.vn)

**Email:** [dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn](mailto:dvkh.pgbank@petrolimex.com.vn)

**Điện thoại:** (+84) 4 6281 1298 Fax: (+84) 4 6281 1299

**Mã số thuế:** 1400116233

**Mã SWIFT:** PGBLVNVX



### 3 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ("PG Bank") là Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười, chính thức hoạt động theo giấy phép số 0045/NH-GP ngày 13/11/1993.

Trong những năm đầu phát triển, Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười luôn có sự tăng trưởng tốt và đóng góp lớn vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nhận thấy rõ tiềm năng và cơ hội phát triển của Ngân hàng nói riêng và thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam nói chung trong quá trình hiện đại hóa đất nước, tháng 7 năm 2005, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) đã tham gia tăng vốn điều lệ và trở thành cổ đông lớn của Ngân hàng để thực hiện phương án tái cấu trúc và mở rộng phạm vi hoạt động cũng như các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng. Kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính ngân hàng cũng như tiềm lực tài chính dồi dào của các cổ đông mới đã đem lại sự thay đổi lớn về mục tiêu phát triển, định hướng chiến lược và quy mô hoạt động của Ngân hàng.

Chính các cam kết đầu tư chiến lược của các cổ đông lớn và phương án tái cấu trúc hiệu quả thể hiện qua các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh ấn tượng là tiền đề cho việc Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười được phép chuyển đổi mô hình thành Ngân hàng cổ phần đô thị theo quyết định số 125/QĐ-NHNN ngày 12/01/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đánh dấu trang phát triển mới của Ngân hàng.

Cùng với việc chuyển đổi thành Ngân hàng đô thị và sự tham gia của các cổ đông lớn với chiến lược phát triển mới, ngày 08/02/2007 Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười đã chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (viết tắt là PG Bank) theo quyết định số 368/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 25/12/2009, PG Bank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex chuyển Hội sở chính từ 132-134 Nguyễn Huệ, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp đến Văn phòng 5, nhà 18T1-18T2 Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Lê Văn Lương, Hà Nội.

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, ngày 05/01/2012, PG Bank chính thức chuyển Trụ sở chính về Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà MIPEC, 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.



## 4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

- Huy động vốn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác trong nước và các định chế tài chính ngân hàng nước ngoài;
- Cho vay: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn mọi đối tượng sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng;
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ mọi đối tượng khách hàng;
- Kinh doanh ngoại tệ, dịch vụ thẻ;
- Đầu tư vào cổ phiếu chính phủ: góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu trên thị trường vốn ngắn hạn và dài hạn;
- Chiết khấu thương phiếu, cổ phiếu, giấy tờ có giá;
- Các dịch vụ ngân hàng khác.



### Địa bàn kinh doanh

Tính đến hết năm 2016, ngoài trụ sở chính, PG Bank có 16 chi nhánh với 63 phòng giao dịch hoạt động tại 15 tỉnh thành phố trên cả nước, phân bố cụ thể 3 miền Bắc, Trung, Nam:

- Miền Bắc: 50 chi nhánh và phòng giao dịch;
- Miền Nam: 27 chi nhánh và phòng giao dịch;
- Miền Trung: 02 chi nhánh.

Hiện tại PG Bank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với trên 200 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn thế giới, trong đó PG Bank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu tại từng quốc gia và vùng lãnh thổ đó.

Tại Việt Nam, PG Bank có quan hệ với tất cả các định chế tài chính trong nước bao gồm: Ngân hàng Thương mại Nhà Nước, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các công ty tài chính và các định chế tài chính khác.





## 5. DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA PG BANK TRONG NĂM 2016

### Hiệu quả hoạt động cải thiện

Hoạt động kinh doanh năm 2016 đã đạt được những kết quả khả quan so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế tăng gần 2 lần so với năm trước, đạt 152 tỷ đồng; hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động tín dụng đều được cải thiện; ROAE, ROAA và NIM lần lượt ở mức 5,1%, 0,6% và 2,91%. Kết quả này tuy chưa thực sự cao nhưng rất đáng khích lệ trong bối cảnh nhiều khó khăn bủa vây hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.



### Cơ cấu lại bộ máy nhân sự, chú trọng nâng cao năng lực

Nhằm bổ sung nhân sự cho nhiều vị trí tại Chi nhánh và Hội sở, trong năm 2016, PG Bank đã tổ chức nhiều lượt tuyển dụng trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, PG Bank luôn đánh giá cao các cán bộ có năng lực và kịp thời bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng như lãnh đạo cấp chi nhánh.

Nâng cao chất lượng nhân sự luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, Ngân hàng đã tiến hành đào tạo nội bộ và kết hợp với các đơn vị đào tạo uy tín để tổ chức nhiều khóa, lượt đào tạo nhằm nâng cao năng lực và chuyên môn cho 324 lượt học viên trên toàn hệ thống.



### Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội

Với mục tiêu phát triển bền vững vì cộng đồng, PG Bank tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội với nhiều chương trình thiết thực và có ý nghĩa, đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Trong năm 2016, Ngân hàng đã tài trợ xây dựng và trao quà tại trường tiểu học Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; phối hợp cùng Petrolimex tặng 100 suất học bổng, 01 nhà bán trú dân nuôi và hỗ trợ xây dựng 01 cây cầu dân sinh cho trẻ em nghèo vượt khó và người dân tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Thể hiện tinh thần tương thân tương ái sâu sắc với đồng bào miền Trung bị thiên tai nặng nề nhất, cán bộ nhân viên PG Bank đã tham gia ủng hộ 01 ngày lương cho quỹ ủng hộ các địa phương và nhân dân bị thiên tai hướng tới Miền Trung ruột thịt. Bên cạnh đó, Ngày hội hiến máu - một hoạt động thường niên ý nghĩa cũng thu hút đông đảo cán bộ PG Bank tham gia.









## 7. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2012-2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2015	2014	2013	2012
Tổng tài sản	24.825	24.681	25.779	24.876	19.251
Vốn chủ sở hữu	3.495	3.373	3.339	3.210	3.194
Cho vay khách hàng	17.534	15.883	14.507	13.867	13.787
Cho vay khách hàng/Tổng tài sản	69,9%	63,6%	55,6%	55,0%	70,0%
Tỷ lệ nợ xấu	2,5%	2,8%	2,5%	3,0%	8,4%
Tổng huy động	21.024	21.032	22.050	21.320	15.759
Tổng thu nhập hoạt động	776	748	751	708	1.159
Lợi nhuận trước thuế	153	52	168	52	319
Chi phí hoạt động	419	485	479	495	557
Hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR	18,1%	21,4%	17,1%	19,1%	22,6%
Số lượng nhân viên	1.442	1.424	1.504	1.406	1.441

**TỔNG TÀI SẢN**



**TỔNG THU NHẬP**



**TỔNG HUY ĐỘNG**



**TỔNG DƯ NỢ**





ĐỊNH  
HƯỚNG  
PHÁT  
TRIỂN





## 8 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 8.1. Tầm nhìn

PG Bank định hướng trở thành trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao dựa trên đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp và một nền tảng công nghệ hiện đại.



### 8.2. Chiến lược kinh doanh

Phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng, trong đó ưu tiên tập trung và áp dụng chiến lược khác biệt hóa để trở thành ngân hàng hàng đầu tại những lĩnh vực, dịch vụ mà PG Bank có lợi thế cạnh tranh:

- Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp: tập trung vào khách hàng là các cổ đông lớn, đối tác và khách hàng của các cổ đông lớn; khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Dịch vụ ngân hàng bán lẻ: cá nhân, hộ kinh doanh cá thể
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng.

### 8.3. Văn hóa doanh nghiệp

Nhằm tạo dựng và duy trì sự bền vững cho những thành công của Ngân hàng, nhất là trong bối cảnh thị trường hội nhập có tính cạnh tranh cao như hiện nay, PG Bank luôn đặc biệt quan tâm xây dựng một văn hóa doanh nghiệp riêng của Ngân hàng, tập trung vào 5 giá trị cốt lõi:

- Tính tuân thủ.
- Tinh thần trách nhiệm
- Sáng tạo
- Tính chuyên nghiệp
- Luôn hướng đến hiệu quả.





## 9 DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



**Ngân hàng loại A năm 2007, 2008, 2009, 2010**  
(do Ngân hàng Nhà nước xếp hạng)



**Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015**  
(do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) bình chọn)



**Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ Việt Nam 2009, 2010, 2013**  
(do Bộ Công thương bình chọn)



**Top 100 Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2010**  
(do Bộ Công thương bình chọn)



**Bảng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2009, 2010**  
(do Bộ Công thương trao tặng)



**Bảng khen của BHXH Việt Nam năm 2011, 2013**  
(do Bảo hiểm xã hội Việt Nam trao tặng)



**Cờ thi đua phong trào năm 2011**  
(do Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội trao tặng)



**Tập thể lao động xuất sắc 2012**  
(do Ngân hàng Nhà nước trao tặng)



**Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2012**  
(do Công ty Việt Nam Report xếp hạng)



## II BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO





### 1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	2015	2016
<b>A Tình hình tài chính</b>		
Tổng giá trị tài sản	24.681	24.825
Tổng doanh thu	1.588	1.605
Thuế và các khoản phải nộp (số đã nộp trong kỳ)	37	18
Lợi nhuận trước thuế	52	153
Lợi nhuận sau thuế	41	123
<b>B Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>		
<b>1 Quy mô vốn</b>		
Vốn điều lệ	3.000	3.000
Tổng tài sản có	24.681	24.825
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	21,35%	18,13%
<b>2 Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
Doanh số huy động tiền gửi	16.865	18.297
Doanh số cho vay	15.883	17.534
Nợ xấu	437	433
Tỷ lệ nợ quá hạn	5,43%	3,80%
Tỷ lệ nợ xấu	2,75%	2,47%
<b>3 Khả năng thanh toán</b>		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	12,47%	15,41%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
VND	70,63%	64,92%
USD	27,65%	24,74%





## 2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

#### 2.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
300.000.000	Phổ thông	238.928.962	61.071.038

#### 2.2. Danh sách cổ đông có số cổ phần hạn chế chuyển nhượng

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế
1	Hội đồng Quản trị	17.196.423	17.196.423
2	Ban Kiểm soát	13.703	13.703
3	Tổng Giám đốc	41.289	41.289*
4	Cổ phần phong tỏa	43.860.912	43.860.912
5	<b>Tổng</b>	<b>61.071.038</b>	<b>61.071.038</b>

(\*) Ông Nguyễn Quang Định - TV HĐQT đồng thời giữ chức vụ Tổng Giám đốc có số lượng cổ phần là: 41.289 cổ phần.

#### 2.3. Cơ cấu cổ đông

STT	Tên Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Tổ chức</b>	<b>20</b>	<b>193.692.053</b>	<b>64,5640%</b>
	Nhà nước	1	120.000.000	40,0000%
	Cổ phần tư nhân	17	58.694.053	19,5647%
	Nước ngoài	2	14.998.000	4,9993%
2	<b>Cá nhân</b>	<b>7.537</b>	<b>106.307.947</b>	<b>35,4360%</b>
	Trong nước	7.537	106.307.947	35,4360%
	Nước ngoài	0	0	0,0000%
3	<b>Tổng</b>	<b>7.557</b>	<b>300.000.000</b>	<b>100,0000%</b>



### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

PG Bank không có công ty con và công ty liên doanh liên kết. PG Bank đang đầu tư vốn góp dài hạn vào Công ty TNHH Liên doanh hoá chất PTN với giá trị đầu tư là 488 triệu đồng, tương đương 5,1% vốn điều lệ Công ty PTN.

### 4. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Ban Điều hành

#### 4.1. Đánh giá chung

***Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hầu như không đổi; An toàn vốn hiệu quả***

Tổng tài sản đạt 24.825 tỷ đồng, tăng 143 tỷ đồng so với năm 2015.

Vốn chủ sở hữu đạt 3.495 tỷ đồng, tăng 3,64% so với năm 2015. Vốn chủ sở hữu tăng không đáng kể do PG Bank không tiến hành tăng Vốn điều lệ trong năm 2016.

Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ở mức 18,1%, đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước tối thiểu ở mức 9%. Tỷ lệ CAR của PG Bank thường xuyên duy trì ở mức trên 17% trong các năm từ 2012 đến nay.

***Huy động vốn tăng trưởng khá, cơ cấu dịch chuyển tích cực, cơ cấu tiền gửi an toàn***

Tổng nguồn vốn huy động đạt 21.024 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với năm 2015 (21.032 tỷ đồng), tuy nhiên nguồn huy động TT1 tăng khá (8,5%) đạt 18.297 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn huy động dịch chuyển theo chiều hướng tích cực hơn khi tăng tỷ trọng nguồn TT1 lên mức 87% (2015: 80%), giảm tỷ trọng nguồn TT2 xuống còn 13% (2015: 20%).

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình khách hàng chủ yếu là Tiền gửi từ cá nhân (65%) và được duy trì khá ổn định từ năm 2014 đến nay. Tiền gửi cá nhân tăng 12,3% so với năm 2015, đạt 11.860 tỷ đồng.

Tiền gửi không kỳ hạn còn chiếm tỷ trọng khá thấp, nguồn tiền gửi có kỳ hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu, 77,9% tương đương 14.250 tỷ đồng. Với cơ cấu tiền gửi này, tuy chưa gia tăng được tỷ trọng nguồn giá rẻ nhưng cơ cấu huy động tiền gửi của PG Bank có độ an toàn cao.

***Tín dụng tăng trưởng khá, hoạt động cho vay cá nhân mở rộng***

Dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng khá (10,4%) so với năm 2015, đạt 17.534 tỷ đồng. Theo định hướng của Ngân hàng, hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tăng mạnh (45,4%), đạt 5.630 tỷ đồng, tỷ trọng cho vay cá nhân nâng lên mức 32,1% (2015: 24,4%).

Về kỳ hạn, cho vay khách hàng của PG Bank chủ yếu là ngắn hạn (53,9%), cho vay trung và dài hạn lần lượt đạt tỷ trọng là 20,2% và 25,9%. Cơ cấu cho vay này khá ổn định qua các năm.

***Chất lượng tín dụng được cải thiện; Công tác xử lý nợ được thực hiện tích cực tuy còn gặp nhiều khó khăn***

Tại 31/12/2016, nợ nhóm 2 và nợ nhóm 3 giảm đáng kể, giảm lần lượt 45,2% và 47,33%, theo đó chất lượng tín dụng được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ nợ quá hạn giảm mạnh còn 3,8% (2015: 5,43%), tỷ lệ nợ xấu giảm xuống mức 2,47% (2015: 2,75%).

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2016 được thực hiện khá tích cực thông qua nhiều biện pháp như sử dụng nguồn dự phòng rủi ro, bán nợ cho VAMC, các biện pháp xử lý tài sản, thu hồi nợ, v.v. Tuy nhiên công tác xử lý nợ còn gặp nhiều khó khăn do thị trường chuyển nhượng, phát mại tài sản chưa thuận lợi, thủ tục để phát mại tài sản phức tạp, kéo dài.



### **Hoạt động dịch vụ**

Hoạt động kinh doanh ngoại hối là hoạt động chiến lược của PG Bank dựa trên ưu thế có sẵn về cơ sở khách hàng là các đơn vị liên quan đến Tập đoàn Xăng dầu Petrolimex trong bối cảnh cạnh tranh dịch vụ ngày càng tăng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt hơn 25 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 2015.

Thẻ Flexicard là một sản phẩm thành công của PG Bank. Phát huy lợi thế là thẻ thanh toán xăng dầu đầu tiên tại Việt Nam với hai tính năng trả trước và ghi nợ, thẻ Flexicard chấp nhận tại trên 2.200 điểm bán xăng dầu Petrolimex. Tính đến 31/12/2016, tổng số thẻ Flexicard được phát hành là gần 922.865 thẻ.

Dịch vụ thẻ đội xe (F-card) được triển khai từ năm 2014, hướng vào các Doanh nghiệp nhiều xe. Đến 31/12/2016, tổng số lượng thẻ phát hành đạt 8.908 thẻ, trong đó có 8.269 thẻ đang hoạt động với số tiền thanh toán qua thẻ là 688 tỷ đồng.

Hoạt động thanh toán qua thẻ thu được những kết quả khả quan, doanh số sử dụng thẻ năm 2016 đạt 6.980 tỷ đồng. PG Bank liên tục là một trong những ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ nội địa cao nhất thị trường. Năm 2016, doanh số thanh toán thẻ nội địa của PG Bank chiếm 9,03% thị phần và xếp thứ 5 trên toàn hệ thống.



### **Lợi nhuận & Khả năng sinh lời**

Tổng thu nhập hoạt động tăng nhẹ (3,8%) đạt 776 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng chủ yếu (89,6%), đạt 695 tỷ đồng, tăng 6,1% so với năm 2015.

Hiệu quả kiểm soát chi phí được nâng cao, tỷ lệ Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập giảm từ 64,9% (2015) xuống còn 54% trong năm 2016.

Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 153 tỷ đồng, tuy kết quả này còn chưa cao nhưng cũng gấp 2,93 lần so với năm 2015.

Hiệu quả hoạt động kinh doanh còn thấp, tuy nhiên đã cải thiện đáng kể so với năm 2015, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân ROAA và tỷ suất sinh lời trên vốn điều lệ bình quân ROAE lần lượt ở mức 0,6% và 5,1% (2015: 0,2% và 1,7%). Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) ở mức khá 2,91%, tăng nhẹ so với năm 2015 (2,71%).

### **4.2. Kết quả công tác điều hành năm 2016**

Năm 2016 tiếp tục là một năm có nhiều biến động của PG Bank khi nền kinh tế còn nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng lớn bởi quá trình sáp nhập vào VietinBank bị trì hoãn và kéo dài quá lâu so với dự kiến, kéo theo đó là sự xáo trộn về tâm lý và thiếu hụt nhân sự. Trong bối cảnh khó khăn này, Ban điều hành vẫn rất sát sao và có những chỉ đạo tích cực, quyết liệt trong hoạt động của Ngân hàng.

### **Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh phù hợp với chỉ nhánh đồng thời thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và kịp thời xử lý các khó khăn phát sinh của chỉ nhánh.**

Căn cứ vào đặc trưng về địa bàn và khả năng của từng chỉ nhánh, Ban điều hành đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh phù hợp và có những chính sách kinh doanh phù hợp đặc thù địa bàn. Bên cạnh đó, Ngân hàng thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra nhằm kịp thời giám sát và hỗ trợ chỉ nhánh trong việc xử lý những vướng mắc phát sinh, do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của hầu hết các chỉ nhánh đều đạt kế hoạch đề ra.

### **Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bán lẻ, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát tín dụng**

Trong năm 2016, Ngân hàng đã thường xuyên khảo sát và kịp thời điều chỉnh lãi suất cho vay để gia tăng tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, nhiều chương trình, sản phẩm ưu đãi cho vay như: "Cho vay mua ô tô đầu kéo, rơ moóc/ sơ mi rơ moóc", "An cư lạc nghiệp", "Ưu đãi lãi vay nhận ngay nhà mới", v.v. và các chính sách kinh doanh đặc thù, phù hợp với từng địa bàn chỉ nhánh cũng đã được thực hiện và bước đầu mang lại kết quả.



## II BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Song song với việc tăng trưởng tín dụng bán lẻ nói riêng và tín dụng nói chung, Ngân hàng luôn chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và an toàn.

### ***Quyết liệt xử lý nợ xấu***

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2016 được thực hiện khá tích cực thông qua nhiều biện pháp như sử dụng nguồn dự phòng rủi ro, bán nợ cho VAMC, các biện pháp xử lý tài sản, thu hồi nợ, v.v. Trong đó, Ngân hàng đã phối hợp và làm việc tích cực với các cơ quan Nhà nước các cấp nhằm xử lý tài sản một cách hiệu quả.

### ***Liên tục hoàn thiện và bổ sung các quy trình nghiệp vụ phù hợp với hoạt động hiện tại và đáp ứng các quy định của Ngân hàng Nhà nước***

Trong năm 2016, nhiều quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý rủi ro, đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng đã được sửa đổi và ban hành nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro.

### ***Hoàn thiện cơ cấu nhân sự, nâng cao năng lực cán bộ nhân viên***

Năm 2016, PG Bank đã tổ chức nhiều lượt tuyển dụng để bổ sung nhân sự cho nhiều vị trí tại Chi nhánh và Hội sở. Bên cạnh đó, các cán bộ có năng lực tốt đều được đánh giá cao và kịp thời bổ nhiệm vào nhiều vị trí quan trọng như lãnh đạo cấp Chi nhánh.

Ngân hàng đã tiến hành đào tạo nội bộ và kết hợp với các đơn vị đào tạo uy tín để tổ chức nhiều khóa, lượt đào tạo nhằm nâng cao năng lực và chuyên môn cho cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

### **4.3. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

#### ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

Đứng trước sự biến đổi khí hậu và nhu cầu cấp thiết về việc bảo vệ môi trường tại Việt Nam, PG Bank đã luôn luôn ý thức và đề cao tầm quan trọng của vấn đề trên. Nghiêm túc thực hiện chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của tổng đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, PG Bank thực hiện đánh giá kỹ các rủi ro môi trường tác động đến khả năng trả nợ và hiệu quả sử dụng vốn của khách hàng, yêu cầu khách hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và xã hội. Đồng thời PG Bank triển khai tích cực công tác thông tin, truyền thông về quản lý rủi ro môi trường và xã hội đến với tất cả cán bộ nhân viên thông qua các khóa đào tạo, tuyên truyền.

#### ***Chính sách liên quan đến người lao động***

Luôn quan tâm và coi trọng yếu tố con người - chìa khóa của sự thành công và hiệu quả của Ngân hàng, trong năm qua, PG Bank tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo các chính sách đãi ngộ tối ưu cho người lao động.

Năm 2016, tổng số lao động của PG Bank đạt 1.442 người, toàn thể người lao động được ký hợp đồng đầy đủ, phù hợp quy định của Pháp luật.

Thời gian làm việc là 8h/ngày, 5 ngày/tuần, một số bộ phận làm việc sáng thứ 7. Ngân hàng đảm bảo chế độ nghỉ phép năm, nghỉ lễ, Tết, nghỉ việc riêng, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định. Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định trong Bộ luật lao động.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên PG Bank có xu hướng tăng nhẹ qua các năm. Bên cạnh cơ chế đãi ngộ về lương, các ban bộ còn được hưởng đầy đủ các chế độ như kiểm tra sức khỏe định kỳ, phụ cấp điện thoại, phụ cấp đi lại, phụ cấp ăn trưa, thăm quan nghỉ mát hàng năm.





### 4.4. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2017

Một số chỉ tiêu chính

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	28.982	17%
2	Cho vay khách hàng	19.156	9%
3	Tổng huy động khách hàng	25.035	19%
4	Tổng thu nhập	953	23%
5	Chi phí dự phòng & hoạt động	802	
6	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	150	
7	Vốn điều lệ (VDL)	3.000	
8	Tỷ suất LNTT/VDL bình quân	5,00%	

### Nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

#### Về hoạt động kinh doanh

An toàn hoạt động đi đôi với tăng trưởng quy mô ở mức hợp lý; tập trung ưu tiên phát triển kinh doanh dịch vụ ngân hàng bán lẻ, chuyển đổi cơ cấu tín dụng tăng cho nhóm khách hàng thuộc phân khúc dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng. Bên cạnh đó, tập trung phát triển dịch vụ nhằm tăng thu nhập từ dịch vụ ngoài lãi. Cụ thể:

#### Hoạt động huy động vốn:

- Thực hiện chính sách lãi suất phù hợp, đảm bảo huy động vốn hiệu quả, cân đối nguồn vốn phù hợp với nhu cầu tăng trưởng tín dụng trong từng giai đoạn.
- Định hướng tập trung đẩy mạnh tăng trưởng huy động TCKT, đảm bảo cân đối nguồn vốn ngân hàng đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dư nợ. Tiếp cận phân khúc khách hàng có nguồn vốn dài, ổn định.
- Tiếp tục khai thác tối đa chương trình quản lý dòng tiền đối với Tập đoàn Xăng dầu Petrolimex, quản lý dòng tiền cho PJICO và phát triển thêm các khách hàng mới ngoài Petrolimex.



### Về công tác quản trị điều hành

#### **Hoạt động tín dụng:**

- Định hướng cơ cấu danh mục tín dụng theo hướng không tập trung vào một nhóm khách hàng.
- Ưu tiên cho vay các khách hàng quy mô vừa và nhỏ nhằm gia tăng số lượng khách hàng đồng thời giảm thiểu rủi ro. Song song đó là phát triển tín dụng ngắn hạn (các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng)
- Tập trung ưu tiên đối với phân khúc khách hàng mục tiêu thuộc các lĩnh vực ngành nghề PG Bank có thế mạnh như xăng dầu, dịch vụ dầu khí, than, nông sản, y tế, sản xuất kinh doanh hàng hóa tiêu dùng...
- Thẩm định chặt chẽ các khoản cấp tín dụng khách hàng, tăng cường kiểm soát trước, trong và sau cho vay để hạn chế phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ xấu mới.
- Xử lý và thu hồi nợ : Kiên quyết và xử lý quyết liệt để nhanh chóng xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, trong đó tập trung xử lý các khách hàng đã bán nợ cho VAMC để sớm thu hồi nợ và hoàn nhập chi phí dự phòng đã trích lập.



#### **Phát triển nguồn nhân lực**

- Thực hiện rà soát và củng cố nhân sự toàn hệ thống đảm bảo số lượng, chất lượng nhân sự để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- Tập trung trong công tác tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực đối với các khối, bộ phận kinh doanh trực tiếp như khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp...
- Tập trung tổ chức nhiều khóa đào tạo (bao gồm cả đào tạo nội bộ và đào tạo thuê ngoài) cho cán bộ quản lý cũng như nhân viên toàn hệ thống. Trong đó, chú trọng tới khóa đào tạo nghiệp vụ cho các cán bộ nhân viên kinh doanh trực tiếp.

#### **Kiến toàn mạng lưới**

Trong năm 2017 PG Bank sẽ chỉ tập trung củng cố lại hệ thống mạng lưới giao dịch hiện tại để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động.

#### **Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm tra và giám sát**

- PG Bank tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro trên tất cả các mảng rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.
- Nâng cao chất lượng tái thẩm định thông qua cải thiện chất lượng Báo cáo thẩm định; xây dựng lại mẫu xếp hạng tín dụng khách hàng. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác đào tạo nghiệp vụ thẩm định khách hàng tại các đơn vị.
- Nâng cao chất lượng công tác định giá tập trung, mở rộng địa bàn áp dụng định giá tập trung, tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ sở dữ liệu thị trường để định giá tài sản.
- Đẩy mạnh công tác giám sát tín dụng trực tiếp tại đơn vị trong toàn hệ thống và tăng tần suất kiểm tra trực tiếp tại đơn vị.

#### **Nâng cấp về công nghệ thông tin**

- Trước những nguy cơ về tội phạm công nghệ ngày càng gia tăng trong lĩnh vực ngân hàng, PG Bank tiếp tục chú trọng hơn nữa vào việc siết chặt quy định bảo mật và đầu tư các công cụ an toàn bảo mật.
- Xây dựng Quy định mới về An toàn bảo mật thông tin tại PG Bank.
- Triển khai dự án Phòng chống rửa tiền (AML).



### 5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của PG Bank

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước không có nhiều thuận lợi và chịu nhiều tác động từ môi trường kinh doanh quốc tế và các sự kiện tiêu cực như thiên tai, thảm họa thiên nhiên, đồng thời dưới ảnh hưởng của thông tin sáp nhập tiếp tục bị trì hoãn kéo dài, PG Bank cho thấy vẫn giữ hoạt động một cách ổn định và an toàn, tuy kết quả kinh doanh chưa thực sự đạt kết quả như mong đợi.

#### 5.1. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra

##### *Kết quả hoạt động kinh doanh*

Đến 31/12/2016, tổng tài sản đạt 24.825 tỷ đồng, tăng 143 tỷ đồng so với 31/12/2015 và đạt 80% kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra.

Tổng nguồn vốn huy động năm 2016 đạt 21.024 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch. Tổng nguồn vốn huy động năm 2016 tăng không đáng kể và không hoàn thành kế hoạch là do giảm mạnh nguồn huy động TT2 (giảm 34,6%), tỷ trọng tương ứng của nguồn TT2 trong tổng huy động giảm xuống còn 13% (2015: 20%). Nguồn huy động TT1 tăng khá so với năm 2015 (8,5%), đạt 18.297 tỷ đồng, tương đương 87% tổng nguồn vốn huy động.

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình khách hàng được duy trì khá ổn định qua các năm với tỷ trọng Tiền gửi từ cá nhân/TCKT lần lượt là 65% và 35%. Nguồn tiền gửi khách hàng an toàn khi phần lớn là tiền gửi có kỳ hạn (77,9%).

Dư nợ cho vay khách hàng tại 31/12/2016 đạt 17.534 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2015, đạt 89% kế hoạch. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn tương đối ổn định, chủ yếu là kỳ hạn ngắn chiếm (trên 50%). Theo đúng định hướng của Ngân hàng, hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tăng mạnh (45,4%), nâng dần tỷ trọng trong cơ cấu cho vay khách hàng lên mức 32,1%).

Năm 2016, nợ xấu được kiểm soát tốt hơn, tỷ lệ nợ xấu giảm còn 2,47% (2015: 2,75%), trong đó, chủ yếu là do giảm nợ nhóm 2 và nhóm 3, tỷ lệ giảm lần lượt là 45,2% và 47,3%.

Lợi nhuận kế toán trước thuế 2016 là 153 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch. Tuy nhiên so với năm 2015, Lợi nhuận trước thuế đã tăng 193% (2015: 52 tỷ đồng) - là kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh hoạt động còn nhiều khó khăn.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của trong giai đoạn gần đây cũng như việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 của PG Bank bị ảnh hưởng rất lớn bởi quá trình sáp nhập vào VietinBank bị trì hoãn và kéo dài hơn dự kiến.





**Bảng số liệu chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016**

*Đơn vị: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	So sánh TH/KH 2016	So sánh TH 2016/2015
1	Tổng tài sản	24.681	24.825	31.201	80%	101%
2	Tổng dư nợ	15.883	17.534	19.613	89%	110%
3	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,75%	2,47%	<3%	Kiểm soát nợ xấu tốt hơn	
4	Tổng huy động	20.980	21.024	23.971	88%	100%
5	Tổng thu nhập	748	776	971	80%	104%
6	Chi phí hoạt động & dự phòng	695	623	694	Kiểm soát chi phí tốt hơn	
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	52	153	277	55%	293%
8	Vốn điều lệ (VĐL)	3.000	3.000	3.000	Giữ nguyên	

### Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

Năm 2016, Hội đồng Quản trị PG Bank đặc biệt tập trung trong công tác chỉ đạo xử lý nợ xấu, nợ quá hạn đối với những khách hàng có khoản nợ quá hạn lớn, tập trung bán một số khoản nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) và đã giảm tỷ lệ nợ xấu của PG Bank xuống mức 2,47%, đồng thời toàn bộ các khoản nợ được trích lập dự phòng đúng theo quy định.

Hội đồng Quản trị PG Bank đã tiến hành rà soát, hoàn thiện và thông qua Đề án sáp nhập với VietinBank, trình cổ đông Ngân hàng. Việc hoàn thiện Đề án sáp nhập theo đúng yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là một trong những nội dung quan trọng đối với quá trình tái cấu trúc PG Bank đã được ĐHQĐ giao phó.

Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo sát sao nhằm mở rộng và tăng cường hiệu quả hoạt động bán lẻ thông qua triển khai đồng bộ từ chính sách sản phẩm, chương trình đến các hoạt động hỗ trợ khách hàng. Theo đó, nhiều sản phẩm mới với các chính sách kinh doanh đặc thù phù hợp từng địa bàn đã phát huy tác dụng và đẩy mạnh hoạt động cho vay khách hàng cá nhân.

Kiểm toàn bộ máy nhân sự, đặc biệt trong giai đoạn nhân sự đầy biến động trong bối cảnh sáp nhập là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong năm 2016 bao gồm các hoạt động: tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, bổ nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo chi nhánh và đào tạo nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý cũng như nhân viên toàn hệ thống.

ĐHQĐ cũng tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực quản trị rủi ro trên tất cả các mảng, đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng. Công tác đào tạo nghiệp vụ thẩm định khách hàng tại các đơn vị được đẩy mạnh đồng thời nâng cao chất lượng công tác định giá tập trung, mở rộng địa bàn áp dụng định giá tập trung, tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ sở dữ liệu thị trường để định giá tài sản. Công tác giám sát tín dụng trực tiếp tại đơn vị trong toàn hệ thống và tần suất kiểm tra trực tiếp tại đơn vị cũng được tăng cường.

Trong năm qua, PG Bank tiếp tục chú trọng công tác an sinh xã hội thông qua nhiều hoạt động như tham gia tài trợ xây dựng và trao quà cho trẻ em miền núi, tài trợ học bổng cho sinh viên tại một số trường đại học; tham gia ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, v.v.



### 5.2. Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành

Trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, bên cạnh việc sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) vẫn đang trong giai đoạn chờ chấp thuận của các cơ quan chức năng, Hội đồng Quản trị PG Bank đánh giá Ban Điều hành đã có những chỉ đạo sát sao để Ngân hàng phát triển an toàn.

Hàng tháng, Ban Điều hành tổ chức cuộc họp thường kỳ đánh giá hoạt động kinh doanh toàn hàng và đưa ra những chỉ đạo điều hành kịp thời.

HĐQT và Ban Điều hành luôn luôn bám sát các mục tiêu cụ thể cho năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành và hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

### 5.3. Định hướng hoạt động năm 2017

#### Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô và môi trường hoạt động

Nền kinh tế và môi trường kinh doanh năm 2017 sẽ có nhiều biến động phức tạp, tiềm ẩn nhiều bất ổn trước hàng loạt các thay đổi về chính sách của các quốc gia lớn. Kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ dần lấy lại đà tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 6,7%; lạm phát dự kiến được kiểm soát ở mức 4%.

Ngân hàng Nhà nước sẽ thực thi nhiều chính sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó NHNN sẽ đẩy mạnh xử lý dứt điểm nợ xấu, giảm tỷ lệ nợ xấu trong nền kinh tế xuống mức dưới 3% một cách bền vững.

Dựa trên dự báo kinh tế và định hướng phát triển trên, PG Bank xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm 2017 như sau:

#### Về hoạt động kinh doanh

An toàn hoạt động đi đôi với tăng trưởng quy mô ở mức hợp lý; tập trung ưu tiên phát triển kinh doanh dịch vụ ngân hàng bán lẻ, chuyển đổi cơ cấu tín dụng tăng cho nhóm khách hàng thuộc phân khúc dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.

Quyết liệt xử lý nợ xấu và nợ quá hạn, xây dựng kế hoạch xử lý nợ khả thi, giải pháp xử lý quyết liệt, hiệu quả, tập trung và tăng cường các nguồn lực cho công tác xử lý và thu hồi nợ, bao gồm cả nợ bán cho VAMC, khai thác tốt và hiệu quả các tài sản nhận gán nợ.

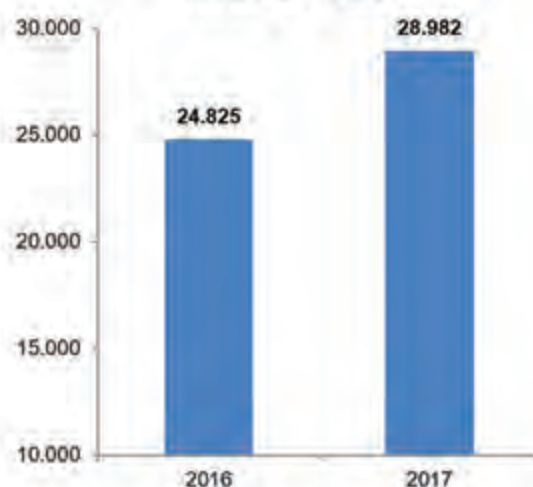




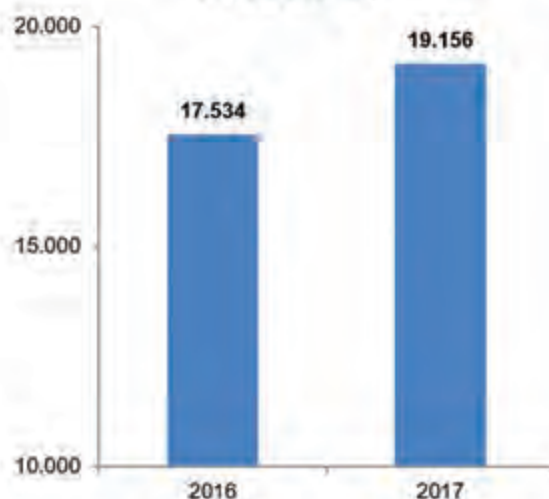
## II BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Củng cố mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch hiện tại để nâng cao hiệu quả hoạt động bên cạnh việc phát triển nguồn nhân lực và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin.  
Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ để tăng thu nhập từ dịch vụ ngoài lãi.

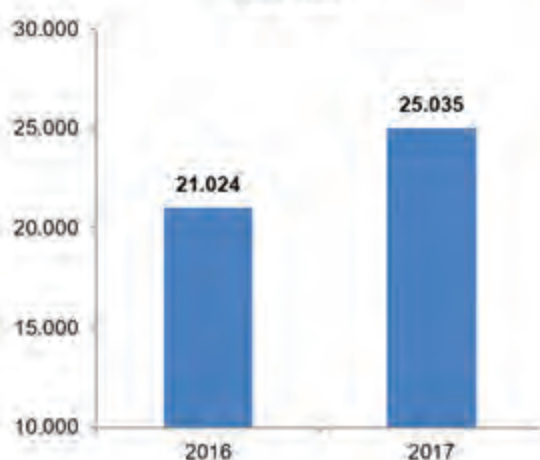
**TỔNG TÀI SẢN**



**TỔNG DƯ NỢ**



**HUY ĐỘNG TỪ TCKT VÀ DÂN CƯ**







### III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 1. Tổ chức và Nhân sự

##### 1.1. Nguồn nhân lực

Coi việc phát triển nguồn nhân lực là chìa khóa đem lại thành công, PG Bank luôn chú trọng công tác đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng làm việc, quản lý, lãnh đạo trong từng giai đoạn, từng vị trí công tác tạo ra một tập thể đoàn kết và một môi trường lao động chuyên nghiệp, hiệu quả giúp người lao động thêm tin tưởng và gắn bó, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng.

Xác định nâng cao chất lượng nhân sự là nhiệm vụ trọng tâm, trong năm 2016, PG Bank đã tiến hành đào tạo nội bộ và kết hợp với các đơn vị đào tạo uy tín như VCCI, Hội Thẩm định giá, EDU Việt, Bankpro, Hội Tư vấn thuế VN, Trường Đào tạo và phát triển Nguồn nhân lực VietinBank, v.v. tổ chức đào tạo cho 324 lượt học viên trên toàn hệ thống về các nội dung như: "Sản phẩm, quy trình tín dụng, thẩm định cho PFC mới", "Nâng cao năng lực quản trị cho vay", "Nâng cao kỹ năng quản lý dành cho đội ngũ quản lý cấp trung", v.v.

Tổng số nhân sự cuối năm 2016 là 1.442 người. Trong năm 2016, PG Bank đã tổ chức 1.455 lượt thi tuyển và phỏng vấn ứng viên để bổ sung nhân sự cho Chi nhánh cũng như Hội sở và đã tuyển dụng được 281 nhân sự mới, trong đó có 38 nhân sự cấp quản lý (Trưởng/Phó phòng trở lên).

Ngoài việc thu hút nhân sự từ bên ngoài, Ban Điều hành cũng thường xuyên đánh giá và xem xét các cán bộ có năng lực để kịp thời bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng nhằm củng cố, phát triển bộ máy nhân sự, tạo đà phát triển cho PG Bank. Trong năm 2016, Ngân hàng đã bổ nhiệm, điều chuyển và tăng mới 15 cán bộ vào vị trí cấp Giám đốc/ Phó Giám đốc Chi nhánh.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng chính sách và chế độ đãi ngộ người lao động vẫn được cải tiến, đảm bảo mức lương, thưởng cạnh tranh so với các đơn vị cùng ngành. Ngoài ra, cán bộ nhân viên PG Bank còn được hưởng đầy đủ các chế độ khác như: Khám sức khỏe định kỳ, phụ cấp điện thoại, phụ cấp đi lại, phụ cấp ăn trưa, tham quan nghỉ mát, v.v.

##### 1.2. Mạng lưới và tổ chức

Tính đến 31/12/2016, mạng lưới hoạt động của PG Bank bao gồm:

- Trụ sở chính
- 16 Chi nhánh
- 63 Phòng Giao dịch





## 2. Giới thiệu HĐQT



**Ông Bùi Ngọc Bảo**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Bảo là Tiến sỹ chuyên ngành Kinh tế. Hiện nay, ông đang giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) - cổ đông lớn nhất của PG Bank. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, Ông đã vinh dự nhận nhiều bằng khen của Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Với vai trò là Chủ tịch HĐQT PG Bank, Ông đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc xây dựng định hướng phát triển, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời đối với các hoạt động của Ngân hàng.

**Ông Nguyễn Quang Định**

**Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Định đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, ngân hàng sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Tài chính Kế toán và hoàn thành chương trình Quản trị Kinh doanh của Henley Management College (UK). Gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi mô hình hoạt động thành NH TMCP đô thị với vai trò là Tổng Giám đốc, Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng đưa Ngân hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn và đạt được những bước phát triển vượt bậc. Với những thành tích xuất sắc đạt được trong quá trình công tác, Ông đã nhận được bằng khen của Bộ Công Thương và UBND Thành phố Hà Nội.



**Ông Trần Ngọc Năm**

**Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Ngọc Năm đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Petrolimex, đồng thời giữ vai trò là Người phát ngôn của Tập đoàn từ ngày 14/03/2012. Nhờ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Ông đã vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Là Cử nhân chuyên ngành Kế toán, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - kế toán, Ông gắn bó với PG Bank từ những ngày đầu chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng TMCP đô thị, và đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng ngày càng phát triển vững chắc.



**Ông Đinh Thành Nghiệp**

**Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Thành Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PG Bank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, ông đảm nhiệm vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PG Bank. Ông Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị. Với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý, Ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt PG Bank đi qua những năm tháng đầu đầy khó khăn để có được những thành công rực rỡ như hiện nay.





#### **Ông Nguyễn Mạnh Hải**

##### **Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Tham gia PG Bank từ năm 2007, ông Nguyễn Mạnh Hải hiện là Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư. Bên cạnh đó, Ông cũng đại diện cho PG Bank đảm nhiệm chức vụ Thành viên BKS CTCP Nhiên liệu bay Petrolimex. Tốt nghiệp Thử khoa Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Điều hành Quốc tế của trường IE Business School - Tây Ban Nha và Cử nhân Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Reading - Vương quốc Anh, cùng với gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Nguyễn Mạnh Hải đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của PG Bank.



#### **Ông Lê Minh Quốc**

##### **Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Tốt nghiệp Tiến sỹ về Địa chất - Vật lý tại Liên bang Nga, hiện ông Lê Minh Quốc đang đảm nhiệm các chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty Việt Năng; Phó Giám đốc CTCP Hoá dầu Quân đội (MIPEC); Giám đốc CTCP Bất động sản Mipecc (Mipeccland). Với nhiều năm kinh nghiệm quản lý, ông Quốc đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của PG Bank.



#### **Ông Lưu Văn Tuyền**

##### **Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Văn Tuyền là Thạc sỹ Kinh tế trường Học viện Tài chính. Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại Petrolimex và các công ty thành viên như Phó Phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Gas Petrolimex, Thành viên BKS Petrolimex, Trưởng Phòng Tổng hợp – Trung tâm Tài chính Kế toán Petrolimex. Hiện nay, Ông đang nắm giữ chức vụ Kế toán trưởng Petrolimex.



#### **Ông Nguyễn Hy Tô Văn**

##### **Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hy Tô Văn tốt nghiệp cử nhân Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarus và Thạc sỹ Trường Đại học Tổng hợp Paris 8. Ông Văn có nhiều năm công tác trên cương vị quản lý và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc điều hành (Công ty Asta Int. (Mỹ), Công ty TNHH Năng Việt, CTCP Hội Vũ, Công ty Paragon) và Trưởng ban Quản trị và Bảo hiểm rủi ro của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Hiện Ông Văn đang đảm nhiệm vị trí Tổng Thư ký Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam.



## 2.1. Cơ cấu HĐQT & tỷ lệ sở hữu cổ phần của PG Bank

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của PG Bank	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %
1	Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT	66.000	0,0220%
2	Ông Nguyễn Quang Định	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	41.289	0,0138%
3	Ông Đinh Thành Nghiệp	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	3.076.380	1,0255%
4	Ông Lê Minh Quốc	Ủy viên HĐQT	13.971.000	4,6570%
5	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên HĐQT	18.154	0,0061%
6	Ông Lưu Văn Tuyển	Ủy viên HĐQT	23.600	0,0079%
7	Ông Trần Ngọc Năm	Ủy viên HĐQT	0	0,0000%
8	Ông Nguyễn Hy Tô Văn	Ủy viên HĐQT độc lập	0	0,0000%



Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của PGBank



### III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 2.2. Các Ủy ban thuộc HĐQT

##### Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ và Tài sản Có của PG Bank có chức năng xem xét và quyết định:

- + Chính sách kinh doanh từng thời kỳ;
- + Quyết định quy mô, cơ cấu tài sản Nợ - tài sản Có và chính sách quản trị Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng;
- + Quản trị rủi ro và xây dựng các phương án phòng chống rủi ro;
- + Quản lý giám sát hệ thống điều chuyển vốn nội bộ ;
- + Xét duyệt hạn mức tín dụng cho khách hàng là Định chế tài chính.

Thành viên Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) được HĐQT thành lập gồm có:

STT	Chức vụ tại PG Bank	Chức danh tại ALCO
1	Tổng Giám đốc	Chủ tịch ALCO
2	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ	Thành viên
3	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Khách hàng doanh nghiệp	Thành viên
4	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự - Hành chính , Marketing & Phát triển mạng lưới, Quan hệ Định chế tài chính	Thành viên
5	Giám đốc khối Quản lý rủi ro	Thành viên
6	Giám đốc Tài chính	Thành viên
7	Trưởng/Phó phòng Quản trị rủi ro thị trường - Khối Quản lý rủi ro	Thư ký

Trong năm 2016, các cuộc họp ALCO được tiến hành định kỳ hàng tháng phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và đưa ra các chính sách kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng trên cơ sở mức độ rủi ro đã được chấp thuận của Hội đồng Quản trị. ALCO duy trì và tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc thiết lập các mục tiêu về Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; Lợi nhuận trên tài sản, v.v.

##### Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Ủy ban Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm tư vấn, tham mưu cho HĐQT về mức độ chấp nhận rủi ro/ khẩu vị rủi ro và chiến lược rủi ro chung của Ngân hàng, đồng thời chịu trách nhiệm giám sát Ban Điều hành thực hiện chiến lược đó, bao gồm chiến lược quản lý vốn và thanh khoản, chiến lược rủi ro tín dụng, thị trường, tác nghiệp, tuân thủ và các rủi ro khác, v.v.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại trong HĐQT
1	Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
2	Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên
3	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hy Tô Văn	Thành viên độc lập



Ủy ban Quản lý rủi ro tổ chức họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Ủy ban hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề trong chức năng, nhiệm vụ được phân công:

- + Tham mưu cho HĐQT về định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo mặt hàng, lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn kinh doanh;
- + Tham mưu cho HĐQT về định hướng và hạn mức, cơ cấu đầu tư, góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng theo các danh mục và dự án đầu tư
- + Quyết định các phương án xử lý rủi ro, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, quyết định việc sử dụng các khoản dự phòng để xử lý rủi ro trong thẩm quyền của HĐQT.

#### Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT về chiến lược và mô hình phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng, phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Từ đó, nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành chính sách, quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về các công tác thu hút, lựa chọn và tuyển dụng nhân sự; quy hoạch, đào tạo và phát triển cán bộ; xây dựng và thực thi các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thù lao, khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng.

Thành viên Ủy ban Nhân sự bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại trong HĐQT
1	Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
2	Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên
3	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hy Tô Văn	Thành viên độc lập

Ủy ban Nhân sự họp định kỳ ít nhất 1 năm/ lần để đánh giá kết quả hoạt động của các vị trí điều hành thuộc thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm của HĐQT:

- + Nghiên cứu, xây dựng, thương thảo các nội dung để thỏa thuận về công việc, thời hạn, lương thưởng và các chế độ đãi ngộ khác trong các hợp đồng lao động với các thành viên HĐQT độc lập và các vị trí điều hành chủ chốt để trình HĐQT và/ hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- + Giám sát quy trình đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên;
- + Chỉ đạo thực hiện các nghiên cứu khảo sát thị trường về lương thưởng, đãi ngộ và nhân sự;
- + Xem xét, quyết định việc tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và xác định mức lương thưởng, phụ cấp, chế độ đãi ngộ với các chức danh Lãnh đạo;
- + Chỉ đạo việc lập quy hoạch nhân sự kế cận cho các vị trí quản lý, điều hành chủ chốt của Ngân hàng;
- + Giám sát quy trình đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên.



#### 3. Giới thiệu Ban Điều hành

##### **Ông Nguyễn Quang Định - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

*Xem phần Giới thiệu Hội đồng Quản trị*

##### **Ông Đinh Thành Nghiệp - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

*Phụ trách khu vực Phía Nam*

*Xem phần Giới thiệu Hội đồng Quản trị*

##### **Ông Nguyễn Hồng Đức - Phó Tổng Giám đốc**



Phụ trách ĐCTC, Nhân sự Hành chính, Marketing và Phát triển mạng lưới, Xử lý và Thu hồi nợ, Pháp Chế và Tuân Thủ.

Ông Nguyễn Hồng Đức tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Viện Công nghệ Châu Á (AIT) và Cử nhân Kinh tế Đối ngoại của Đại học Ngoại thương. Ông Đức đã có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng Chinfon - Chi nhánh Cambodia, Phó Chủ tịch - Phụ trách Định chế Tài chính - Ngân hàng Citibank, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu và Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

##### **Ông Nguyễn Thành Tô - Phó Tổng Giám đốc**



Phụ trách Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Nam California, Mỹ và cử nhân Kinh tế của Học viện Ngân hàng, ông Nguyễn Thành Tô đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trước khi gia nhập PG Bank, Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao như: Phó Trưởng phòng kinh doanh Ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Phó Giám đốc Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông và Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính Vinaconex - Viettel. Ông cũng đã tham dự nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về kinh doanh tiền tệ, ngoại hối và sản phẩm thị trường tài chính tại nhiều nước trên thế giới.

##### **Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc**



Phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Nguyễn Tiến Dũng tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại CFVG (Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý) và Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Trước khi gia nhập PG Bank, ông Dũng đã có 20 năm công tác trên cương vị quản lý tại các Ngân hàng lớn như Trưởng phòng Kinh doanh ngân hàng Woori-HN, PGĐ chi nhánh Hoàn Kiếm - Techcombank.





#### 4. Giới thiệu Ban Kiểm soát

##### 4.1. Danh sách thành viên BKS & tỷ lệ sở hữu cổ phần của PG Bank

###### **Ông Nguyễn Quốc Trung** **Trưởng Ban kiểm soát**



Ông Nguyễn Quốc Trung tốt nghiệp Đại học Thương mại năm 1993, đã có hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính tại các công ty lớn như: Kế toán trưởng Công ty liên doanh BP Petco, Giám đốc Tài chính Công ty liên doanh hoá chất PTN và Schmidt Vietnam Co, phụ trách kiểm soát nội bộ của Total Refinery and Marketing Asia, v.v. .



###### **Bà Thái Thị Lan Hương** **Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách**

Bà Thái Thị Lan Hương có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Là Thạc sỹ tài chính - ngân hàng, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG) và cử nhân Học viện Ngân hàng, bà Hương đã trải qua các vị trí: Kiểm soát viên Phòng Quản lý vay - Ngân hàng Chinfon, chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi nhánh Hà Nội; Phó phòng phụ trách phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Năm 2010, bà Hương được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.



###### **Bà Trần Văn Hương** **Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách**

Bà Trần Văn Hương tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Học Viện Ngân Hàng, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Bà Hương đã từng làm việc tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Bà Hương được trao tặng nhiều giải thưởng và chứng nhận của các tổ chức uy tín như: Giải Khuyến khích cuộc thi "Khởi nghiệp" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Báo Diễn đàn Doanh nghiệp trao tặng, Học bổng toàn phần chương trình học và thi "Chứng chỉ CPA Australia" do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tài trợ, Chứng nhận Top 10 Dự án kinh doanh xuất sắc nhất cuộc thi "Khởi nghiệp cùng Kawaii" của Trường Đại học Ngoại thương.



#### 4. Giới thiệu Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của BKS tại PG Bank

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của PG Bank	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Quốc Trung	Trưởng ban	0	0,0000%
2	Thái Thị Lan Hương	TV Ban Kiểm soát	13.703	0,0046%
3	Trần Văn Hương	TV Ban Kiểm soát	0	0,0000%

#### 4.2. Hoạt động của BKS

Cũng như Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015 tiếp tục hoạt động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 về việc chưa tiến hành bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới cho đến khi PG Bank hoàn tất việc sáp nhập.

Trong năm 2016, hoạt động kiểm toán nội bộ được triển khai với phương thức kiểm toán mới: kiểm toán theo định hướng rủi ro một số sản phẩm/ hoạt động trọng tâm với số lượng mẫu chọn lớn để đánh giá việc kiểm soát tuân thủ, qua đó phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý triệt để những rủi ro tiềm ẩn.

Về kết quả: năm 2016 đã kiểm toán hoạt động ở 09 chi nhánh; một số phòng chức năng Hội sở cũng như rà soát hoạt động kho quỹ trên toàn hệ thống.

Việc tuyển dụng nhân sự Kiểm toán nội bộ và nhóm Trợ lý Ban Kiểm soát cũng được tiến hành lại trong quý IV/2016 để phục vụ cho hoạt động kiểm toán nội bộ, giám sát rủi ro và điều phối/ triển khai các giải pháp quản trị.

Ngoài việc quản lý trực tiếp hoạt động Kiểm toán nội bộ; Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra việc kiểm soát tuân thủ tại một số chi nhánh có dấu hiệu vi phạm. Ban Kiểm soát đã thông báo đến HĐQT kết quả kiểm tra và đề nghị xử lý những trường hợp sai phạm nghiêm trọng để chấn chỉnh kỷ luật trên toàn hàng.



Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, PG Bank đã thực hiện quản trị rủi ro một cách toàn diện, khoa học và có hệ thống nhằm phòng ngừa, kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn, bám sát với các quy định của Ngân hàng Nhà nước và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, giảm thiểu những tổn thất có thể phát sinh.

### 1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, do đó công tác quản lý rủi ro tín dụng tại PG Bank được tiến hành rất chặt chẽ, cẩn trọng và báo cáo thường xuyên cho Ban Tổng Giám đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

Các báo cáo đánh giá chất lượng tín dụng toàn hàng được thực hiện định kỳ, đặc biệt đối với một số khách hàng, nhóm khách hàng và ngành hàng có dấu hiệu rủi ro. Đồng thời, PG Bank đã áp dụng và phát triển thêm các chính sách và công cụ nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám sát tín dụng.

Bên cạnh đó, PG Bank luôn chủ động nghiên cứu và áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro tín dụng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế để từ đó hoàn thiện mô hình hoạt động tín dụng, chuyên môn hóa chức năng, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm. Theo đó, một hệ thống cảnh báo sớm tốt sẽ giúp Ngân hàng kịp thời phát hiện những rủi ro có thể phát sinh để có kế hoạch hành động và quyết định kịp thời trong quản lý khách hàng, hạn chế tối đa rủi ro.

### 2. Rủi ro thanh khoản

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của PG Bank luôn được chú trọng, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN cũng như đáp ứng nhu cầu thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Hệ thống quy định, quy trình nội bộ về quản lý rủi ro thanh khoản đã được ban hành đầy đủ, làm cơ sở cho hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản của ngân hàng. Theo đó, Hội sở chịu trách nhiệm quản lý thanh khoản toàn hệ thống, theo nguyên tắc quản lý nguồn tập trung. Thanh khoản được quản lý hàng ngày, theo chiến lược quản lý của Hội đồng quản trị, chính sách và các quy định về giới hạn thanh khoản của Hội đồng Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) phù hợp với quy định của NHNN từng thời kỳ. ALCO được thông báo kịp thời về tình hình thanh khoản của Ngân hàng để đưa ra các biện pháp và kế hoạch thực hiện trong trường hợp dư thừa, thiếu hụt và khủng hoảng thanh khoản.

### 3. Rủi ro thị trường

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất, PG Bank cũng đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình nhằm nhận diện, đo lường và giám sát rủi ro lãi suất. PG Bank tiến hành đo lường, quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro ngoại hối, PG Bank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống và các biện pháp phòng ngừa rủi ro để hạn chế các tác động của biến động tỷ giá đến hoạt động ngân hàng.

### 4. Rủi ro hoạt động

Công tác quản lý rủi ro hoạt động của PG Bank liên tục được cải thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro của chính ngân hàng, yêu cầu của cơ quan quản lý. Trong năm 2016, phòng Quản lý rủi ro hoạt động đã thực hiện báo cáo giám sát từ xa định kỳ hàng tháng, báo cáo giám sát từ xa các sản phẩm huy động đối với các đơn vị kinh doanh, rà soát, đóng góp xây dựng 50 sản phẩm, văn bản nội bộ PGBank.

Bên cạnh đó, để phát hiện, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro hoạt động, hệ thống kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ của PG Bank thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế của các hoạt động nghiệp vụ cũng như gửi cảnh báo rủi ro hoạt động cho các đơn vị kinh doanh, triển khai thực hiện tự đánh giá chốt kiểm soát hoạt động Quản lý tín dụng và hoạt động Kế toán giao dịch và Kho quỹ của các đơn vị kinh doanh, rà soát, sửa đổi Quy định về Phân bổ, quản lý và sử dụng Ấn chỉ quan trọng, Quy trình Thiết kế và in Ấn chỉ quan trọng



## 5. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



### HỘI SỞ CHÍNH

#### Địa chỉ

Tầng 16, 23 và 24 Tòa nhà MIPEC, Số 229  
Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống  
Đa, Hà Nội





Chi nhánh	Tên điểm giao dịch	Địa chỉ	Số điện thoại
<b>Bắc Ninh</b>	<b>CN Bắc Ninh</b>	<b>Số 10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiền An, Bắc Ninh, Bắc Ninh</b>	<b>0222.3893500</b>
Bắc Ninh	PGD Từ Sơn	TTTM Thanh Ngọc, Phường Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	0222.3745798 0222.3745799
<b>Hà Nội</b>	<b>CN Hà Nội</b>	<b>Số 11 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội</b>	<b>04.39448 899</b>
Hà Nội	PGD Hàng Buồm	Số 27 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	04.39447659
Hà Nội	PGD Khương Đình	Số 230A Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	04.35510445
Hà Nội	PGD Minh Khai	Số 122 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	04.39744 866
Hà Nội	PGD Lĩnh Nam	Số 237 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	04.35334 360
Hà Nội	PGD Văn Quán	Số 84 Nguyễn Khuyến, Khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội	04.33540360
Hà Nội	PGD Trung Kính	Số 74 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	04.3783 4032
Hà Nội	PGD Tây Đô	Số 729 Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội	04.33119335
Hà Nội	PGD Bách Khoa	Số 101-E7 Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	04.36230737
Hà Nội	PGD Từ Liêm	Số BT205 Khu Biệt thự nhà vườn Liên Cơ, Xã Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	04.37894191
Hà Nội	PGD Trương Định	Số 402-404 Trương Định, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	04.36629236
Hà Nội	PGD Tây Sơn	Tầng 1, Tòa nhà Mípec, 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	04.60262666
Hà Nội	PGD Hoàng Mai	Số 7, Lô 7, Đền Lừ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	04.36343591
Hà Nội	PGD Thái Thịnh	Số 1A-A1 (Số 192) Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	04.35149141
Hà Nội	PGD Nguyễn Ngọc Nại	Số 227 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	04.35666544
Hà Nội	PGD Kim Liên	Số 101A, nhà C5, tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội	04.35765536



Chi nhánh	Tên điểm giao dịch	Địa chỉ	Số điện thoại
Hà Nội	PGD Võ Thị Sáu	Tầng 1, 2 nhà số 185 Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	04.36255075
Hà Nội	PGD Lò Đức	Số 125G Lò Đức, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	04.39728810
Hà Nội	PGD Trung Hòa	VP5, tòa nhà 18T1-18T2 KĐT Trung Hòa-Nhân Chính, Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	04.66526233
Hà Nội	PGD Hoàng Cầu	Số 01 Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội	04.35379561
Hà Nội	PGD Phạm Hùng	Tầng 1 nhà biệt thự BT1 - Lô 8, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	04.37876945
Hà Nội	PGD Lai Xá	Ô 1, Lô 7, KCN Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội	04.33660833
Hà Nội	PGD Nguyễn Công Hoan	Số 9/84, Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	04.37711342
Hà Nội	PGD Hà Đông	Số 22 - LK3B, Khu đô thị Mỹ Lao, Nguyễn Văn Lộc, Quận Hà Đông, Hà Nội	04.66758822
Hà Nội	PGD Khâm Thiên	Số 340 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội	04.35134602
Hà Nội	PGD Cầu Diễn	Số 406 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	04.37634612
<b>Thăng Long</b>	<b>CN Thăng Long</b>	<b>Số 550+552 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội</b>	<b>04.38727158</b>
Thăng Long	PGD Cửa Bắc	Số 40 Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	04.37154284
Thăng Long	PGD Đồng Anh	Số 55 tổ 9K1B Thị trấn Đồng Anh, Huyện Đồng Anh, Hà Nội	04.39656291
Thăng Long	PGD Lê Hồng Phong	Số 71 Lê Hồng Phong, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội	04.37347818
Thăng Long	PGD Lạc Long Quân	Số 105 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	04.37591819
Thăng Long	PGD Đường Thành	Số 12 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	04.39233760
Thăng Long	PGD An Dương	Số 6 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội	04.37172890
Thăng Long	PGD Tô Hiệu	Số 227 Tô Hiệu, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	04.37916356
Thăng Long	PGD Tông Đản	Số 18B Tông Đản, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	04.39393343
Thăng Long	PGD Trâu Quỳ	Số 7 Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Hà Nội	04.38760046
Thăng Long	PGD Đức Giang	Số 26 Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội	04.36557524



Chi nhánh	Tên điểm giao dịch	Địa chỉ	Số điện thoại
Thăng Long	PGD Phú Thụy	Ngã ba chợ Sùi, Đường Ý Lan, Thôn Phú Thụy, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Hà Nội	04.38717803
Hải Dương	CN Hải Dương	Số 01 Đại lộ Hồ Chí Minh, Hải Dương, Hải Dương	0220.3848600
Hải Dương	PGD Đông Nam Cường	Số 67 Thanh Niên, Phường Hải Tân, Hải Dương, Hải Dương	0220.3551599
Hải Phòng	CN Hải Phòng	Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	0225.822238
Hải Phòng	PGD Lạch Tray	Số 416 Lạch Tray, Ngõ Quyền, Hải Phòng	0225.261222
Hải Phòng	PGD Lê Chân	158 Tô Hiệu - Quận Lê Chân - Hải Phòng	0225.612616
Hải Phòng	PGD Quang Trung	Số 73 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	0225.3529569
Hải Phòng	PGD Ngô Quyền	Số 147 Văn Cao, Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	0225.727596
Quảng Ninh	CN Quảng Ninh	156B - Lê Thánh Tông - P. Bạch Đằng - Hạ Long - Quảng Ninh	033.3812679
Quảng Ninh	PGD Cẩm Phá	258 đường Trần Phú, thị xã Cẩm Phá, Quảng Ninh	0203.3968879
Quảng Ninh	PGD Hà Tu	Số 204, tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	0203.3635966
An Giang	CN An Giang	56-58 đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên	0296.3941249
Vũng Tàu	CN Vũng Tàu	Số 05 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu	0254.3543441
Bình Dương	CN Bình Dương	Số 153 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Thủ Dầu Một, Bình Dương	0650.3865678
Cần Thơ	CN Cần Thơ	Số 110 đường Cách mạng tháng 8, TP.Cần Thơ	0292.3768900
Cần Thơ	PGD Ninh Kiều	Số 55A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Cần Thơ	0292.3818055
Đồng Nai	CN Đồng Nai	Số 16-17 đường Đồng Khởi, Biên Hòa, Đồng Nai	0616.250777
Đồng Nai	PGD Hồ Nai	149 Xa lộ Hà Nội, KP 5A, Phường Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai	0616.255559
Đồng Tháp	CN Đồng Tháp	Số 132-134, Đường Nguyễn Huệ, P. 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	067.3874232
Đồng Tháp	PGD Cao Lãnh	Số 198 Nguyễn Trãi, Cao Lãnh	067.3822030
Đồng Tháp	PGD Sa Đéc	122 Hùng Vương, Phường 2, TX Sa Đéc	067.3774615
Long an	CN Long An	Số 10, Trà Quý Bình, P. 2, Thành phố Tân An, Long An	072.3525454



Chi nhánh	Tên điểm giao dịch	Địa chỉ	Số điện thoại
Long An	PGD Bến Lức	Số 159, Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, Long An	072.3639 224
Sài Gòn	CN Sài Gòn	Số 2.5 - 2.8 Phan Xích Long, p 3, Q Bình Thạnh, TP.HCM	08.35178171
Sài Gòn	PGD Lê Hồng Phong	134 Lê Hồng Phong, phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	08.3868.8861
Sài Gòn	PGD Lý Thái Tổ	Số 49 Lý Thái Tổ, phường 1, Quận 10, TP. HCM	08.3830.1764
Sài Gòn	PGD Trần Hưng Đạo	Số 18P Nguyễn Thị Tân, Phường 2, Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh.	08.3850.4886
Sài Gòn	PGD Lạc Long Quân	Số 482 Lạc Long Quân, p 5, quận 11, TP.HCM	08.39752115
Sài Gòn	PGD Nhà Bè	67/3 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 6, Thị trấn Nhà bè, Huyện Nhà bè, TP.HCM	08.38738972
Sài Gòn	PGD Tân Phú	621 Lý Thường Kiệt, Phường 8, quận Tân Bình, TP.HCM	08.39721055
Sài Gòn	PGD Hồng Bàng	595 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	08.39603318
Sài Gòn	PGD Lê Văn Sỹ	Số 380 Lê Văn Sỹ, P.2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	08.39915485
Sài Gòn	PGD Nơ Trang Long	254 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	08.35160314
Đà Nẵng	CN Đà Nẵng	122 đường 2/9 Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu Đà Nẵng	0236.3689777
Khánh Hòa	CN Khánh hòa	84 Quang Trung, P. Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	058.3521919





## V. CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI





### Tài trợ xây dựng và trao quà tại trường Tiểu học Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Trung tuần tháng 10 năm 2016, tại Hội sở chính Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh chi đoàn PG Bank (ĐTN PG Bank) đã phát động ủng hộ cho chuyến đi tình nguyện “Cùng em tới trường” đến trao quà cho thầy trò trường Tiểu học Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Món quà đến từ PG Bank như một lời động viên gửi tới thầy trò trường tiểu học Phình Sáng, Điện Biên luôn cố gắng, vượt khó vươn lên vì ngày mai tươi sáng. Công trình hoàn thành đúng dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu cũng là lời tri ân sâu sắc tới Đảng ủy và Ban lãnh đạo PG Bank, tới tấm lòng vàng của các CBNV PG Bank đã quyên góp ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần.



### Tài trợ cho chương trình Hỗ trợ an sinh xã hội tại tỉnh Bắc Kạn do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam làm đầu mỗi phát động và kêu gọi



Trung tuần tháng 10 năm 2016, tại Hội sở chính Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh chi đoàn PG Bank (ĐTN PG Bank) đã phát động ủng hộ cho chuyến đi tình nguyện “Cùng em tới trường” đến trao quà cho thầy trò trường Tiểu học Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Món quà đến từ PG Bank như một lời động viên gửi tới thầy trò trường tiểu học Phình Sáng, Điện Biên luôn cố gắng, vượt khó vươn lên vì ngày mai tươi sáng. Công trình hoàn thành đúng dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu cũng là lời tri ân sâu sắc tới Đảng ủy và Ban lãnh đạo PG Bank, tới tấm lòng vàng của các CBNV PG Bank đã quyên góp ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần.





**Ngày hội hiến máu tình nguyện tháng 10/2016**

## BLOOD DONATION



Tháng 10/2016, Công đoàn PG Bank tổ chức “Ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2016” được các nhân viên PG Bank nhiệt tình tham gia hưởng ứng. Đây cũng là dịp PG Bank thể hiện tinh thần tương thân, tương ái, mang tính cộng đồng sâu sắc.

## Tập thể cán bộ nhân viên PG Bank ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai

Trong những ngày đầu tháng 10 vừa qua, bão lũ đã gây thiệt hại nghiêm trọng, gây ảnh hưởng nặng nề tới các tỉnh miền Trung như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Việt Nam và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai bão lũ, PG Bank đã phát động toàn thể cán bộ nhân viên tại Ngân hàng tham gia đóng góp ủng hộ 01 ngày lương cho Quỹ ủng hộ các địa phương và nhân dân vùng đã bị thiệt hại. Nhận thức rõ những thiệt hại mà nhân dân miền Trung phải hứng chịu, tập thể cán bộ nhân viên và người lao động tại PG Bank đã nhiệt tình hưởng ứng lời kêu gọi và mong muốn đóng góp phần nhỏ bé của mình, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách hướng tới miền Trung ruột thịt.



# VI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX**



## **MỤC LỤC**

<b>1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>46 - 47</b>
<b>2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>48</b>
<b>3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>49 - 52</b>
<b>4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>53</b>
<b>5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>54 - 56</b>
<b>6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>57 - 90</b>



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 1. Thông tin chung về Ngân hàng:

#### Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0045/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/11/1993 với thời gian hoạt động là 20 năm. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/02/2007, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm kể từ ngày 13/11/1993 theo Quyết định số 3061/QĐ-NHNN ngày 30/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400116233 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên ngày 29/11/1993 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp) thay đổi lần thứ 18 ngày 11/3/2015.

#### Hoạt động chính của Ngân Hàng:

Thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài chính thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ trung gian môi giới và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cho phép.

#### Trụ sở chính:

Đặt tại tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 16 chi nhánh, 54 phòng giao dịch và 09 quỹ tiết kiệm đang hoạt động ở các tỉnh và thành phố trên cả nước.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng quản trị

Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
Ông Lưu Văn Tuyển	Thành viên
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Võ Văn Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Hy Tô Văn	Thành viên

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Trung	Trưởng ban
Bà Thái Thị Lan Hương	Thành viên
Bà Trần Văn Hương	Thành viên



## Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Quang Định**  
**Ông Đinh Thành Nghiệp**  
**Ông Nguyễn Tiến Dũng**  
**Ông Nguyễn Thành Tô**  
**Ông Nguyễn Hồng Đức**

**Tổng Giám đốc**  
**Phó Tổng giám đốc**  
**Phó Tổng giám đốc**  
**Phó Tổng giám đốc**  
**Phó Tổng giám đốc**

**Bà Nguyễn Thị Thu Hà**

**Trưởng phòng Kế toán tài chính - phụ trách khối Tài chính**

## Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là **Ông Nguyễn Quang Định**.

## 4 Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**ÔNG NGUYỄN QUANG ĐỊNH**  
**Tổng Giám đốc**



**Báo cáo thường niên 2016**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.01</b>	<b>176.539.616.957</b>	<b>220.360.376.330</b>
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước</b>	<b>V.02</b>	<b>598.023.738.312</b>	<b>787.728.955.237</b>
<b>III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.03</b>	<b>1.191.994.536.496</b>	<b>2.614.185.995.537</b>
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		1.191.994.536.496	2.614.185.995.537
2. Cho vay các TCTD khác		0	0
3. Dự phòng rủi ro		0	0
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>V.04</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh		0	0
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		0	0
<b>V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>V.05</b>	<b>29.622.043.241</b>	<b>348.404.612</b>
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>17.358.778.617.213</b>	<b>15.704.813.259.478</b>
1. Cho vay khách hàng	<b>V.6.1</b>	17.534.132.360.519	15.882.794.854.660
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	<b>V.6.2</b>	(175.353.743.306)	(177.981.595.182)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>	<b>V.07</b>	<b>3.290.174.000</b>	<b>26.135.836.530</b>
1. Mua nợ		5.135.836.530	26.135.836.530
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(1.845.662.530)	0
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.08</b>	<b>4.241.352.481.072</b>	<b>4.100.044.157.202</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		2.500.660.679.102	2.413.310.259.106
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.229.249.189.299	2.068.658.060.330
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(488.557.387.329)	(381.924.162.234)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.09</b>	<b>487.808.858</b>	<b>7.568.138.858</b>
1. Đầu tư vào công ty con		0	0
2. Vốn góp liên doanh		0	0
3. Đầu tư vào công ty liên kết		0	0
4. Đầu tư dài hạn khác		487.808.858	10.637.808.858
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		0	(3.069.670.000)

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>167.477.444.395</b>	<b>188.720.694.381</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	142.127.308.642	159.961.621.596
a. Nguyên giá TSCĐ		304.774.730.298	303.064.728.882
b. Hao mòn TSCĐ		(162.647.421.656)	(143.103.107.286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	0	0
a. Nguyên giá TSCĐ		0	0
b. Hao mòn TSCĐ		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	25.350.135.753	28.759.072.785
a. Nguyên giá TSCĐ		74.388.143.904	74.469.681.354
b. Hao mòn TSCĐ		(49.038.008.151)	(45.710.608.569)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>	V.13	<b>0</b>	<b>0</b>
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		0	0
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		0	0
<b>XII. Tài sản Có khác</b>	V.14	<b>1.056.966.728.217</b>	<b>1.031.510.331.649</b>
1. Các khoản phải thu		72.186.011.776	129.492.073.121
2. Các khoản lãi, phí phải thu		677.195.939.755	613.925.332.024
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		0	0
4. Tài sản Có khác		307.584.776.686	288.092.926.504
- Trong đó: Lợi thế thương mại		0	0
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		0	0
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>24.824.533.188.761</b>	<b>24.681.416.149.814</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>V.15</b>	<b>0</b>	<b>52.268.026.134</b>
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>V.16</b>	<b>2.726.710.315.803</b>	<b>4.114.832.279.603</b>
1. Tiền gửi của các TCTD khác		2.726.710.315.803	3.972.547.279.603
2. Vay các TCTD khác		0	142.285.000.000
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>V.17</b>	<b>18.297.115.686.684</b>	<b>16.864.930.408.733</b>
<b>IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>V.18</b>	<b>21.883.841.700</b>	<b>51.839.111.500</b>
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>	<b>V.20</b>	<b>283.482.019.733</b>	<b>224.832.228.003</b>
1. Các khoản lãi, phí phải trả		226.998.469.799	193.553.417.920
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		0	0
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		56.483.549.934	31.278.810.083
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		0	0
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>21.329.191.863.920</b>	<b>21.308.702.053.973</b>

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
<b>VIII. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.22</b>	<b>3.495.341.324.841</b>	<b>3.372.714.095.841</b>
1. Vốn của TCTD		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
a. Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
b. Vốn đầu tư XDCC, mua sắm tài sản cố định		0	0
c. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
d. Cổ phiếu quỹ		0	0
e. Cổ phiếu ưu đãi		0	0
f. Vốn khác		0	0
2. Quỹ của TCTD		195.234.577.996	189.113.335.330
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		300.106.746.845	183.600.760.511
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>24.824.533.188.761</b>	<b>24.681.416.149.814</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Bảo lãnh vay vốn		10.480.000.000	0
2. Cam kết giao dịch hối đoái		1.362.778.500.000	0
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		332.385.000.000	0
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		0	0
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		1.030.393.500.000	0
2.4 Cam kết giao dịch tương lai	<b>VIII.38</b>	0	0
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		0	0
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		331.917.282.325	130.709.890.738
5. Bảo lãnh khác		906.987.898.869	962.848.032.565
6. Các cam kết khác		20.916.323.280	1.409.843.806.868

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Bà Nguyễn Thị Mai Lý  
Phó phòng Tài chính kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Quang Định  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.23	1.490.786.781.679	1.413.357.008.422
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.24	795.446.564.049	758.089.588.997
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>695.340.217.630</b>	<b>655.267.419.425</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		48.591.815.703	56.923.115.707
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		31.833.828.673	35.094.480.872
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.25</b>	<b>16.757.987.030</b>	<b>21.828.634.835</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.26</b>	<b>25.336.087.484</b>	<b>6.106.931.760</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>VI.27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>VI.28</b>	<b>7.195.538.792</b>	<b>36.014.848.393</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		31.523.383.385	42.304.597.938
6. Chi phí hoạt động khác		2.079.586.179	21.086.142.942
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.29</b>	<b>29.443.797.206</b>	<b>21.218.454.996</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>VI.30</b>	<b>1.874.834.000</b>	<b>7.125.269.571</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.31</b>	<b>419.228.946.376</b>	<b>485.010.606.764</b>
		<b>356.719.515.766</b>	<b>262.550.952.216</b>
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		203.464.242.957	210.281.915.865
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>153.255.272.809</b>	<b>52.269.036.351</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		30.628.043.809	11.460.751.910
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VI.32</b>	<b>30.628.043.809</b>	<b>11.460.751.910</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>122.627.229.000</b>	<b>40.808.284.441</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>			
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>V.22.2</b>	<b>408,76</b>	<b>136,03</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt




Bà Nguyễn Thị Mai Lý  
Phó phòng Tài chính kế toánBà Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởngÔng Nguyễn Quang Định  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.427.516.173.948	1.305.800.412.962
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(762.001.512.170)	(752.598.023.275)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		16.757.987.030	21.828.634.835
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		27.100.832.956	47.803.394.690
05. Thu nhập khác		6.467.019.496	(7.017.347.553)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		22.976.777.711	28.235.802.551
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(394.661.340.739)	(452.857.996.643)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(6.381.340.951)	(22.798.275.867)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>337.774.597.281</b>	<b>168.396.601.700</b>
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		0	88.808.280.000
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(247.941.548.965)	(905.323.881.462)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(29.273.638.629)	6.715.782.662
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.614.488.490.744)	(1.339.126.261.570)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(92.182.413.887)	(43.411.236.160)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		18.336.750.796	12.487.049.153

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(52.268.026.134)	52.268.026.134
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(1.388.121.963.800)	68.551.293.681
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		1.432.185.277.951	(1.139.033.494.540)
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		0	0
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(29.955.269.800)	(32.910.270.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		0	0
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		1.041.536.993	(81.694.970.022)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(83.500.000)	(92.720.000)
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.664.976.688.939)</b>	<b>(3.144.365.800.424)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm TSCĐ		(2.765.580.400)	(25.146.062.601)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		0	119.786.746
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		0	0
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		0	0
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		0	0
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		0	0
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		0	0
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		10.150.000.000	39.741.264.629
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.874.834.000	0
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>9.259.253.600</b>	<b>14.714.988.774</b>

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		0	0
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		0	0
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		0	0
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		0	0
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		0	0
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		0	0
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(1.655.717.435.339)</b>	<b>(3.129.650.811.650)</b>	
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>3.622.275.327.104</b>	<b>6.751.926.138.754</b>	
<b>VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>VII.33 1.966.557.891.765</b>	<b>3.622.275.327.104</b>	

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt




Bà Nguyễn Thị Mai Lý  
Phó phòng Tài chính kế toánBà Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởngÔng Nguyễn Quang Định  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng****1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0045/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/11/1993 với thời gian hoạt động là 20 năm. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/02/2007, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm kể từ ngày 13/11/1993 theo Quyết định số 3061/QĐ-NHNN ngày 30/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400116233 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên ngày 29/11/1993 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp) thay đổi lần thứ 18 ngày 11/3/2015.

**2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần****3. Hoạt động chính của ngân hàng**

Hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài chính thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ trung gian môi giới và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cho phép.

**4. Trụ sở chính:**

Đặt tại tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 16 chi nhánh, 54 phòng giao dịch và 09 quỹ tiết kiệm đang hoạt động ở các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con: Không có

**5. Tổng số cán bộ, công nhân viên đến ngày 31/12/2016: 1.442 người. (Tại ngày 31/12/2015: 1.424 người)****II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.****2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.****III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng tại ngân hàng****Báo cáo về tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hoặc các quy định hiện hành:**

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng kèm theo được lập theo quy ước giá gốc và phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước khác.

**Chế độ và hình thức kế toán áp dụng:**

Ngân hàng áp dụng chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng

### 1. Các thay đổi về chính sách kế toán

Ngân hàng đã áp dụng theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 31/12/2014, thông tư này sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004.

Ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") thay thế cho Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 của NHNNVN sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 6 năm 2014 và trên cơ sở phi hồi tố.

### 2. Chuyển đổi tiền tệ

Nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng tiền tệ khác với Đồng Việt Nam được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2016:

22.159 VND/USD

194,83 VND/JPY

16.891 VND/CAD

16.446,50 VND/AUD

23.944,50 VND/EUR

15.752 VND/SGD

27.944,50 VND/GBP

22.337 VND/CHF

### 3. Công cụ tài chính phái sinh

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày có hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản "Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác" nếu dương hoặc khoản mục công nợ "Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức của Ngân hàng Nhà nước công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

### 4. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi và chi phí lãi theo phương pháp trích trước. Lãi của các khoản cho vay quá hạn không được ghi dự thu mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu. Khi một khoản cho vay trở thành quá hạn thì số lãi trích trước được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản cho vay quá hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi thu được.

### 5. Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh, phí từ cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh và cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Thu nhập phí hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực nhận.

### 6. Kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua nợ

#### Ghi nhận và đo lường các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn đến 01 năm; Các khoản vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 01 năm đến 05 năm và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn trên 05 năm kể từ ngày giải ngân.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng**

Việc phân loại các khoản cho vay và trích lập rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 của NHNNVN sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn với vai trò không phải là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của Ngân hàng. Theo khoản 3a, điều 10 của Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh;
- Ngân hàng đáp ứng được quy định của NHNNVN về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được dùng để cho vay trung và dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn. Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay khách hàng như đã được phân loại hiện tại. Khoản 3a, điều 10 của Thông tư 09 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành vào ngày 01 tháng 4 năm 2015. Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ sau ngày 01 tháng 4 năm 2015 không được giữ nguyên nhóm nợ và được phân loại vào nhóm nợ tương ứng theo quy định của Thông tư 02.

**Dự phòng rủi ro tín dụng**

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung

Dự phòng cụ thể được trích lập cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể, theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ lập dự phòng cụ thể
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư cho vay từng khách hàng được phân loại rủi ro tín dụng tại ngày cuối quý (riêng quý 4, Dự phòng cụ thể được tính theo số dư cho vay từng khách hàng được phân loại rủi ro tín dụng tại ngày làm việc cuối của tháng 11) trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 02.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản sau đây:

- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài.
- Khoản cho vay, mua có ký hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chủ nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam.

## Xử lý rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để quyết định việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

## Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC")

Ngân hàng thực hiện việc bán nợ cho VAMC theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 5 năm 2013, Nghị định 34/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 53/2013/NĐ-CP, Thông tư 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam, và các khoản nợ bán cho VAMC được xuất toán khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong công văn số 8499/NHNN-TCKT do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 về việc hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và tổ chức tín dụng, và công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 19 tháng 02 năm 2014.

Trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC tương ứng với khoản nợ xấu mà Ngân hàng bán được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng để hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó.

## 7. Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán

### 7.1. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn nhằm thu lợi từ việc chênh lệch giá.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết, nhưng đã đăng ký giao dịch trên Thị trường giao dịch Upcom, giá thị trường là giá bình quân của Thị trường Upcom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên Thị trường giao dịch Upcom nhưng được tự do mua bán trên thị trường, giá thị trường là giá bình quân của các giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá trị thị trường thì không được lập dự phòng và phản ánh theo giá gốc.

Thu nhập thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7.2. Nghiệp vụ đầu tư chứng khoán**

Chứng khoán đầu tư gồm các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và các chứng khoán sẵn sàng để bán.

**Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn**

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng như thuyết minh tại mục 5.

Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ hoặc khi có dấu hiệu sụt giảm giá trị theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành**

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng, và được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng cụ thể trong thời gian nắm giữ.

Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt là giá trị tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Định kỳ, Ngân hàng sẽ tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cho số trái phiếu đặc biệt này theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Ngân hàng sẽ trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động tối thiểu tương ứng 20% mệnh giá của từng trái phiếu đặc biệt.

Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu đặc biệt.

Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng dự phòng cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu. Chênh lệch giữa dự phòng đã trích lập và số tiền nợ gốc chưa thu hồi sẽ được hoàn nhập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chứng khoán sẵn sàng để bán**

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán bất cứ lúc nào.

**- Chứng khoán vốn**

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh được nêu ở thuyết minh mục số 6.1.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## - Chứng khoán nợ

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng như thuyết minh tại mục 5.

Đối với các loại chứng khoán nợ đã niêm yết, giá thị trường được xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Nếu chứng khoán được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

## 8. Góp vốn, đầu tư dài hạn

### 8.1. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Ngân hàng nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Ngân hàng không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Ngân hàng không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Ngân hàng nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### 8.2. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn hoặc bằng 11% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

### 8.3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Ngân hàng xác định được các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009, và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Theo đó, mức trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Xác định nguyên giá trong từng trường hợp***Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

*Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Ngân hàng dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

*Tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự. Trong cả hai trường hợp không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi.

*Tài sản cố định hữu hình tăng từ các nguồn khác*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, biếu tặng được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Ngân hàng ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**Xác định nguyên giá trong từng trường hợp***Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**11. Phương pháp khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm
TSCĐ khác	4 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 năm

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.***12. Kế toán các giao dịch thuê tài sản**

**Thuê hoạt động:** là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**Thuê tài chính:** là việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Ngân hàng chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên cơ sở số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là các khoản nợ các TCTD. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian ngắn hơn giữa thời hạn hữu dụng của tài sản với thời gian thuê tài chính.

**13. Bất động sản đầu tư**

**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
------------------------	------------

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý và đá quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại TCTD khác có thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày gửi, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

**15. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc:** Theo luật lao động Việt Nam, nhân viên của Ngân hàng được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tính từ ngày bắt đầu làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Ngân hàng.

**Dự phòng trợ cấp mất việc:** Ngân hàng đang trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm căn cứ vào Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**17. Kế toán các khoản vốn vay, phát hành chứng khoán nợ, công cụ vốn**

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trả lãi trong kỳ, khi phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay được tính trực tiếp vào giá trị của tài sản đó theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 18. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Ngân hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán bao gồm: **Vốn điều lệ và vốn khác.**

**Nguồn vốn kinh doanh** được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng.

**Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

## Lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ liên hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được căn cứ vào điều lệ của Ngân hàng và tờ trình Hội đồng quản trị được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## 19. Các hoạt động ủy thác chịu rủi ro của Tổ chức tín dụng

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác vốn để đầu tư, cho vay, .... thay mặt cho cá nhân, tổ chức kinh tế hoặc tổ chức tín dụng khác.

Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và vốn nhận ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên nhận ủy thác và bên ủy thác đối với lợi nhuận, phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được quy định trong hợp đồng ủy thác.

Các hoạt động nhận ủy thác của Ngân hàng bao gồm:

### **Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng không chịu rủi ro**

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ, nhận ủy thác đầu tư và cho vay không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính của Ngân hàng.

### **Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng chịu rủi ro**

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để cho vay lại khách hàng. Ngân hàng ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại khách hàng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, như đề cập tại thuyết minh mục số 5.

## 20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như ban tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

## 1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt bằng VND	133.294.837.100	171.068.520.100
Tiền mặt bằng ngoại tệ	43.244.779.857	49.291.856.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>176.539.616.957</b>	<b>220.360.376.330</b>

## 2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	598.023.738.312	787.728.955.237
<i>Bằng VND</i>	<i>538.288.374.302</i>	<i>757.052.908.366</i>
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	<i>59.735.364.010</i>	<i>30.676.046.871</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>598.023.738.312</b>	<b>787.728.955.237</b>

## 3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

## 3.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi không kỳ hạn	323.994.536.496	273.815.995.537
<i>Bằng VND</i>	<i>48.154.620.997</i>	<i>12.991.770.158</i>
<i>Bằng ngoại hối</i>	<i>275.839.915.499</i>	<i>260.824.225.379</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	868.000.000.000	2.340.370.000.000
<i>Bằng VND (*)</i>	<i>868.000.000.000</i>	<i>1.618.000.000.000</i>
<i>Bằng ngoại hối (**)</i>	<i>0</i>	<i>722.370.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.191.994.536.496</b>	<b>2.614.185.995.537</b>

(\*) Chi tiết các khoản gửi có kỳ hạn bằng VND tại các tổ chức tín dụng như sau:

	Số tiền	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	200.000.000.000	03/01/2017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100.000.000.000	03/01/2017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100.000.000.000	03/01/2017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100.000.000.000	03/01/2017
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín	68.000.000.000	13/01/2017
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	150.000.000.000	03/01/2017
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	150.000.000.000	03/01/2017
<b>Tổng cộng</b>	<b>868.000.000.000</b>	

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5. Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị của Hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực HĐ)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản	Công nợ
<b>Tại ngày cuối năm</b>		<b>29.622.043.241</b>	<b>0</b>
+ Công cụ tài chính phải sinh tiền tệ	1.906.795.000	29.622.043.241	0
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	579.470.000	718.241	0
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.327.325.000	29.621.325.000	0
<b>Tại ngày đầu năm</b>		<b>348.404.612</b>	<b>0</b>
+ Công cụ tài chính phải sinh tiền tệ	9.499.930	348.404.612	0
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	9.499.930	348.404.612	0
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ		0	0

## 6. Cho vay khách hàng

### 6.1 Cho vay khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	17.507.228.258.753	15.836.385.956.647
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	0	338.396.197
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	26.904.101.766	46.070.501.816
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.534.132.360.519</b>	<b>15.882.794.854.660</b>

### - Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ đủ tiêu chuẩn	16.868.680.771.296	15.020.927.568.178
Nợ cần chú ý	232.635.986.152	424.475.792.553
Nợ dưới tiêu chuẩn	56.307.759.921	106.818.660.058
Nợ nghi ngờ	104.568.805.195	128.555.029.773
Nợ có khả năng mất vốn	271.939.037.955	202.017.804.098
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.534.132.360.519</b>	<b>15.882.794.854.660</b>

### - Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ ngắn hạn	9.446.230.201.381	9.606.464.894.172
Nợ trung hạn	3.541.846.214.163	2.962.285.812.909
Nợ dài hạn	4.546.055.944.975	3.314.044.147.579
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.534.132.360.519</b>	<b>15.882.794.854.660</b>

### - Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2016	01/01/2016
Cho vay các TCKT	10.860.793.481.956	11.306.479.043.185
Cho vay cá nhân	5.653.922.332.078	3.890.912.928.758
Cho vay khác	1.019.416.546.485	685.402.882.717
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.534.132.360.519</b>	<b>15.882.794.854.660</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 6. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

## 6.1 Cho vay khách hàng (tiếp theo)

## - Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2016	01/01/2016
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.941.143.129.099	1.885.846.924.939
Khai khoáng	567.896.860.212	486.259.189.092
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.009.524.909.748	3.561.948.296.251
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	29.398.454.270	26.768.011.888
Xây dựng	1.633.565.438.913	1.188.660.967.239
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	3.007.215.573.451	4.026.019.610.119
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	355.273.945.626	22.368.457.517
Vận tải kho bãi	1.162.713.168.940	949.687.297.537
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	472.517.671.997	20.867.834.000
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	0	74.250.000
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.046.030.000	1.795.785.000
Giáo dục và đào tạo	5.584.270.566	9.754.424.152
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	85.222.266.033	143.903.550.316
Hoạt động văn hóa thể thao	11.187.665.047	8.511.166.576
Hoạt động kinh doanh bất động sản	0	135.000.000
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	90.554.209.278	96.986.100.614
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình	563.421.518.748	443.575.503.831
Thông tin và truyền thông	14.246.835.087	1.017.777.784
Hoạt động dịch vụ khác	4.583.620.413.504	3.008.614.707.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.534.132.360.519</b>	<b>15.882.794.854.660</b>

## 6.2 Sự thay đổi (tăng/giảm) của Dự phòng rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay khách hàng

<u>Năm nay</u>	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>108.528.273.987</b>	<b>69.453.321.195</b>	<b>177.981.595.182</b>
Dự phòng rủi ro trích lập / (hoàn nhập) trong năm	19.476.498.832	70.078.063.179	89.554.562.011
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	0	(92.182.413.887)	(92.182.413.887)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>128.004.772.819</b>	<b>47.348.970.487</b>	<b>175.353.743.306</b>
<b><u>Năm trước</u></b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>101.501.097.967</b>	<b>71.477.409.807</b>	<b>172.978.507.774</b>
Dự phòng rủi ro trích lập / (hoàn nhập) trong năm	7.027.176.020	9.903.629.640	16.930.805.660
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	0	(11.927.718.252)	(11.927.718.252)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>108.528.273.987</b>	<b>69.453.321.195</b>	<b>177.981.595.182</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>7. Hoạt động mua nợ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Mua nợ bằng VND	5.135.836.530	26.135.836.530
- Dự phòng rủi ro	(1.845.662.530)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.290.174.000</b>	<b>26.135.836.530</b>
<b>Thuyết minh giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nợ gốc đã mua	5.135.836.530	26.135.836.530
- Lãi của khoản nợ đã mua	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.135.836.530</b>	<b>26.135.836.530</b>

## 8. Chứng khoán đầu tư

<b>8.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
a. Chứng khoán Nợ	2.463.438.807.554	2.367.369.251.327
- Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	2.033.430.676.848	2.058.141.599.883
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	50.006.660.279	129.223.174.445
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	380.001.470.427	180.004.476.999
b. Chứng khoán Vốn	37.221.871.548	45.941.007.779
- Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	37.221.871.548	45.941.007.779
c. Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(47.556.710.260)	(52.987.503.580)
Trong đó: - Dự phòng giảm giá	(10.081.710.260)	(17.012.503.580)
- Dự phòng chung	(2.475.000.000)	(975.000.000)
- Dự phòng cụ thể	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.453.103.968.842</b>	<b>2.360.322.755.526</b>

<b>8.5. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	2.229.249.189.299	2.068.658.060.330
- Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(441.000.677.069)	(328.936.658.654)
<b>Cộng</b>	<b>1.788.248.512.230</b>	<b>1.739.721.401.676</b>

<b>8.6. Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Nợ đủ tiêu chuẩn	330.001.470.427	130.004.476.999
Nợ cần chú ý	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>380.001.470.427</b>	<b>180.004.476.999</b>

## 9. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư		
Các khoản đầu tư dài hạn khác	487.808.858	10.637.808.858
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	0	(3.069.670.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>487.808.858</b>	<b>7.568.138.858</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 9. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Tên	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hiện tại	Tỷ lệ phần vốn (%)	Tỷ lệ phần vốn (%)
Đầu tư dài hạn khác	487.808.858	487.808.858	7.568.138.858	10.637.808.858
Công ty Liên doanh Hóa chất PTN	487.808.858	487.808.858	487.808.858	487.808.858
Quỹ đầu tư năng động (VFA)	0	0	10.150.000.000	10.150.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	0		(3.069.670.000)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>487.808.858</b>	<b>487.808.858</b>	<b>7.568.138.858</b>	<b>10.637.808.858</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 10. Tài sản cố định hữu hình

- Tang giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>133.139.026.535</b>	<b>7.615.359.220</b>	<b>52.415.594.629</b>	<b>109.894.748.498</b>	<b>303.064.728.882</b>
- Mua trong năm	0	0	0	2.765.580.400	2.765.580.400
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	1.036.006.390	1.036.006.390
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	(1.458.926.947)	(1.458.926.947)
- Giảm khác	(632.658.427)	0	0	0	(632.658.427)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>132.506.368.108</b>	<b>7.615.359.220</b>	<b>52.415.594.629</b>	<b>112.237.408.341</b>	<b>304.774.730.298</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>14.915.675.190</b>	<b>6.564.096.251</b>	<b>32.060.073.607</b>	<b>89.563.262.238</b>	<b>143.103.107.286</b>
- Khấu hao trong năm	4.116.473.888	421.648.913	5.447.679.414	11.250.458.480	21.236.260.695
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	(1.458.926.947)	(1.458.926.947)
- Giảm khác	(233.019.378)	0	0	0	(233.019.378)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.799.129.700</b>	<b>6.985.745.164</b>	<b>37.507.753.021</b>	<b>99.354.793.771</b>	<b>162.647.421.656</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>118.223.351.345</b>	<b>1.051.262.969</b>	<b>20.355.521.022</b>	<b>20.331.486.260</b>	<b>159.961.621.596</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>113.707.238.408</b>	<b>629.614.056</b>	<b>14.907.841.608</b>	<b>12.882.614.570</b>	<b>142.127.308.642</b>

- Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

\* Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

31/12/2016	01/01/2016
91.844.577.017	64.370.929.312

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm trước:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	134.550.507.119	8.999.353.010	50.403.915.168	107.943.336.266	301.897.111.563
- Mua trong năm	11.628.845.700	0	2.483.739.015	6.657.647.636	20.770.232.351
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	0	0	0	1.241.026.580	1.241.026.580
- Tăng khác	4.883.185	24.258.920	0	149.619.495	178.761.600
- Thanh lý, nhượng bán	(60.947.000)	(37.488.000)	(472.059.554)	(3.912.677.479)	(4.483.172.033)
- Giảm khác	(12.984.262.469)	(1.370.764.710)	0	(2.184.204.000)	(16.539.231.179)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>133.139.026.535</b>	<b>7.615.359.220</b>	<b>52.415.594.629</b>	<b>109.894.748.498</b>	<b>303.064.728.882</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	17.211.277.249	6.410.934.815	26.131.222.404	82.429.897.360	132.183.331.828
- Khấu hao trong năm	6.588.864.466	1.362.762.712	6.336.986.024	13.089.097.445	27.377.710.647
- Thanh lý, nhượng bán	(59.720.560)	(29.990.400)	(408.134.821)	(3.890.283.043)	(4.388.128.824)
- Giảm khác	(8.824.745.965)	(1.179.610.876)	0	(2.065.449.524)	(12.069.806.365)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.915.675.190</b>	<b>6.564.096.251</b>	<b>32.060.073.607</b>	<b>89.563.262.238</b>	<b>143.103.107.286</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	117.339.229.870	2.588.418.195	24.272.692.764	25.513.438.906	169.713.779.735
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>118.223.351.345</b>	<b>1.051.262.969</b>	<b>20.355.521.022</b>	<b>20.331.486.260</b>	<b>159.961.621.596</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Tài sản cố định vô hình**

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	21.590.321.750	52.667.779.508	211.580.096	74.469.681.354
- Giảm khác	(81.537.450)	0	0	(81.537.450)
Số dư cuối năm	21.508.784.300	52.667.779.508	211.580.096	74.388.143.904
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	52.741.932	45.458.140.303	199.726.334	45.710.608.569
- Khấu hao trong năm	51.426.816	3.268.064.364	11.853.762	3.331.344.942
- Giảm khác	(3.945.360)	0	0	(3.945.360)
Số dư cuối năm	100.223.388	48.726.204.667	211.580.096	49.038.008.151
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	21.537.579.818	7.209.639.205	11.853.762	28.759.072.785
Số dư cuối năm	21.408.560.912	3.941.574.841	0	25.350.135.753

- Các thông tin về TSCĐ vô hình đặc biệt:

Khoản mục	31/12/2016	01/01/2016
Nguyên giá của TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	41.271.354.604	40.088.027.978

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm trước:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	19.955.321.750	49.456.964.649	285.447.806	69.697.734.205
- Mua trong năm	1.635.000.000	2.740.830.250	0	4.375.830.250
- Tăng khác	0	469.984.609	0	469.984.609
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(73.867.710)	(73.867.710)
Số dư cuối năm	21.590.321.750	52.667.779.508	211.580.096	74.469.681.354
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	0	40.323.313.893	195.839.469	40.519.153.362
- Khấu hao trong năm	52.741.932	4.669.146.504	53.011.038	4.774.899.474
- Tăng khác	0	465.679.906	0	465.679.906
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(49.124.173)	(49.124.173)
Số dư cuối năm	52.741.932	45.458.140.303	199.726.334	45.710.608.569
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	19.955.321.750	9.133.650.756	89.608.337	29.178.580.843
Số dư cuối năm	21.537.579.818	7.209.639.205	11.853.762	28.759.072.785

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 14. Tài sản có khác

	31/12/2016	01/01/2016
2. Các khoản phải thu	72.186.011.776	129.492.073.121
3. Các khoản lãi, phí phải thu	677.195.939.755	613.925.332.024
4. Tài sản có khác	307.584.776.686	288.092.926.504
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.056.966.728.217</b>	<b>1.031.510.331.649</b>

## 14.2 Các khoản phải thu

	31/12/2016	01/01/2016
- Các khoản phải thu nội bộ	5.404.024.611	3.224.828.155
- Các khoản phải thu bên ngoài	66.781.987.165	126.267.244.966
+ Kỳ quỹ, thuế chấp, cầm cố	34.806.516.389	98.058.611.384
+ Chi hỗ trợ lãi suất	2.001.766.610	2.001.766.610
+ Phải thu phí dịch vụ	2.690.864.526	724.509.841
+ Phí quản lý vận hành hệ thống thanh toán thẻ	7.876.870.278	8.163.861.419
+ Tạm ứng bảo trì máy ATM	565.869.150	2.957.881.850
+ Đặt cọc thuê nhà văn phòng	2.268.000.000	2.268.000.000
+ Chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ	1.625.040.891	0
+ Các khoản phải thu khác	14.947.059.321	12.092.613.862
<b>Cộng</b>	<b>72.186.011.776</b>	<b>129.492.073.121</b>

## 14.3 Tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
- Bất động sản	264.310.000.000	242.310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>264.310.000.000</b>	<b>242.310.000.000</b>

## 14.3 Tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
- Bất động sản	264.310.000.000	242.310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>264.310.000.000</b>	<b>242.310.000.000</b>

## 14.6 Tài sản có khác

	31/12/2016	01/01/2016
- Vật liệu và công cụ	17.458.742.916	20.303.587.605
- Chi phí chờ phân bổ	14.645.214.769	20.664.172.236
- Tài sản gắn nợ là bất động sản đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý	264.310.000.000	242.310.000.000
- Tài sản có khác	11.170.819.001	4.815.166.663
<b>Cộng</b>	<b>307.584.776.686</b>	<b>288.092.926.504</b>

## 15. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016	01/01/2016
<b>15.1. Vay NHNN</b>		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	0	52.268.026.134
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>52.268.026.134</b>
<b>Tổng cộng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>52.268.026.134</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Tiền gửi và vay các TCTD khác****16.1. Tiền gửi của các TCTD khác**

	31/12/2016	01/01/2016
a. Tiền gửi không kỳ hạn	7.315.803	7.279.603
- Bảng VND	7.315.803	7.279.603
- Bảng vàng và ngoại tệ	0	0
b. Tiền gửi có kỳ hạn	2.726.703.000.000	3.972.540.000.000
- Bảng VND	2.350.000.000.000	2.090.000.000.000
- Bảng ngoại tệ	376.703.000.000	1.882.540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.726.710.315.803</b>	<b>3.972.547.279.603</b>

**16.2. Vay các TCTD khác**

	31/12/2016	01/01/2016
- Bảng VND	0	0
- Bảng ngoại tệ	0	142.285.000.000
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>142.285.000.000</b>

<b>Tổng cộng tiền gửi của và vay TCTD khác</b>	<b>2.726.710.315.803</b>	<b>4.114.832.279.603</b>
--	--------------------------	--------------------------

**17. Tiền gửi của khách hàng****- Thuyết minh theo loại tiền gửi**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	3.879.597.352.966	4.032.653.975.801
- Bảng VND	3.562.735.268.620	3.536.158.060.203
- Bảng vàng và ngoại tệ	316.862.084.346	496.495.915.598
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	14.250.182.214.280	12.631.282.728.936
- Bảng VND	13.256.246.673.147	11.399.138.206.459
- Bảng vàng và ngoại tệ	993.935.541.133	1.232.144.522.477
Tiền gửi vốn chuyên dùng	67.222.571.078	9.847.273.349
Tiền gửi kỳ quỹ	100.113.548.360	191.146.430.647
- Bảng VND	97.053.697.976	80.073.426.761
- Bảng vàng và ngoại tệ	3.059.850.384	111.073.003.886
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.297.115.686.684</b>	<b>16.864.930.408.733</b>

**- Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi của TCKT	6.437.163.659.394	6.287.833.077.031
Tiền gửi của cá nhân	11.859.952.027.290	10.577.097.331.702
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.297.115.686.684</b>	<b>16.864.930.408.733</b>

**18. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	21.883.841.700	51.839.111.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.883.841.700</b>	<b>51.839.111.500</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 20. Các khoản nợ khác

	31/12/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.770.279.210	1.770.279.210
Các khoản phải trả nội bộ	1.000	9.909.362
Các khoản phải trả bên ngoài	54.705.005.560	29.406.856.345
Phải trả về xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản	205.074.907	326.257.967
Phải trả khách hàng gửi tiết kiệm trả lãi định kỳ	3.383.564.996	5.752.897.509
Phải trả về thanh toán Banknet	6.907.666.987	2.587.390.230
Các khoản treo chờ chuyển tiền	11.054.161.716	17.274.936.121
Phải trả về nghiệp vụ thẻ trả trước mua xăng dầu	12.280.154	9.502.500
Thuế và các khoản phải trả NSNN	27.447.484.008	3.210.273.308
Các khoản phải trả khác	5.694.772.792	245.598.710
Lãi và phí phải trả	226.998.469.799	193.553.417.922
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.265.164	91.765.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.482.019.733</b>	<b>224.832.228.003</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 22. Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng 22.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Vốn góp chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.000.000.000.000	650.000.000	118.375.280.720	57.995.909.199	162.449.931.481	3.339.471.121.400
<b>Tăng trong năm</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.104.970.274</b>	<b>6.552.485.137</b>	<b>21.150.829.030</b>	<b>40.808.284.441</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	0	0	0	0	40.808.284.441	40.808.284.441
- Trích lập các quỹ	0	0	13.104.970.274	6.552.485.137	(19.657.455.411)	0
<b>Giảm trong năm</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>(7.565.310.000)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>(7.565.310.000)</b>
- Các khoản giảm khác	0	0	(7.565.310.000)	0	0	(7.565.310.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.000.000.000.000	650.000.000	123.914.940.994	64.548.394.336	183.600.760.511	3.372.714.095.841
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.000.000.000.000	650.000.000	123.914.940.994	64.548.394.336	183.600.760.511	3.372.714.095.841
<b>Tăng trong năm</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.080.828.444</b>	<b>2.040.414.222</b>	<b>116.505.986.334</b>	<b>122.627.229.000</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	0	0	0	0	122.627.229.000	122.627.229.000
- Trích lập các quỹ (*)	0	0	4.080.828.444	2.040.414.222	(6.121.242.666)	0
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.000.000.000.000	650.000.000	127.995.769.438	66.588.808.558	300.106.746.845	3.495.341.324.841

(\*): Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ năm 2016 theo Nghị quyết hợp Đại hội đồng Cổ đông số 06/2016/NQ-ĐHCD-PGB ngày 27/4/2016.

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 do Chính phủ ban hành, các Ngân hàng thương mại phải trích lập các quỹ trước khi chia cổ tức và sau khi chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% lợi nhuận sau thuế, số dư tối đa của quỹ này bằng vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ này sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Trích các quỹ khác như quỹ đầu tư XDDB, quỹ khen thưởng phúc lợi...do Ban lãnh đạo Ngân hàng đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 22. Vốn quý của Tổ chức tín dụng (tiếp theo)

### 22.2. Thu nhập trên một cổ phiếu

- Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu
- Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	122.627.229.000	40.808.284.441
	300.000.000	300.000.000
	<b>408,76</b>	<b>136,03</b>

## 22.4. Chi tiết vốn đầu tư của TCID

	31/12/2016				01/01/2016			
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP ưu đãi
- Vốn góp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	0	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	0	1.200.000.000.000	0
- Vốn góp của các thành viên khác	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000	0	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000	0	1.800.000.000.000	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>0</b>

## 22.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

	Năm 2016	Năm 2015
	0	0
	0	0
	0	0
	0	0

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**22.6. Cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000.000	300.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000.000	300.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/CP.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****23. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập lãi tiền gửi	21.896.814.307	95.823.267.185
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	1.263.305.283.155	1.114.125.126.277
Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	177.505.639.914	172.704.820.704
- <i>Thu lãi từ chứng khoán đầu tư</i>	177.505.639.914	172.704.820.704
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	12.343.698.870	12.581.108.197
Thu khác từ hoạt động tín dụng	15.735.345.433	18.122.686.059
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.490.786.781.679</b>	<b>1.413.357.008.422</b>

**24. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự**

	Năm 2016	Năm 2015
Trả lãi tiền gửi	790.052.601.960	744.001.526.949
Trả lãi tiền vay	4.361.071.205	13.039.690.164
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.032.890.884	1.048.371.884
<b>Tổng cộng</b>	<b>795.446.564.049</b>	<b>758.089.588.997</b>

**25. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
<b>Thu phí dịch vụ</b>	<b>48.591.815.703</b>	<b>56.923.115.707</b>
Dịch vụ thanh toán	10.889.443.277	12.187.425.414
Dịch vụ ngân quỹ	18.649.710.023	24.398.678.565
Dịch vụ tư vấn	1.240.000	62.684.896
Các dịch vụ khác	19.051.422.403	20.274.326.832

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 25. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (tiếp theo)

	Năm 2016	Năm 2015
<b>Chi phí từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>31.833.828.673</b>	<b>35.094.480.872</b>
Dịch vụ thanh toán	6.445.044.015	6.198.413.405
Cước phí bưu điện và mạng viễn thông	7.885.628.355	7.679.525.889
Vận chuyển, bốc xếp tiền	2.842.422.599	3.253.292.660
Kiểm đếm, phân loại và đóng gói tiền	365.991.527	346.469.889
Bảo vệ tiền	1.526.777.759	1.518.666.648
Dịch vụ tư vấn	1.179.785.000	1.405.035.556
Hoa hồng môi giới	81.706.426	48.244.786
Các dịch vụ khác	11.506.472.992	14.644.832.039
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>16.757.987.030</b>	<b>21.828.634.835</b>

## 26. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27.148.739.074	24.815.218.893
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	14.592.193.092	6.079.279.824
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	12.556.545.982	18.735.939.069
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.812.651.590	18.708.287.133
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	367.961	13.418.941.380
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.812.283.629	5.289.345.753
<b>Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>25.336.087.484</b>	<b>6.106.931.760</b>

## 28. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.563.508.900	43.260.495.242
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	3.798.763.428	1.564.032.312
Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng) rủi ro chứng khoán đầu tư	(5.430.793.320)	5.681.614.537
<b>Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.195.538.792</b>	<b>36.014.848.393</b>

## 29. Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ hoạt động khác	31.523.383.385	42.304.597.938
Chi phí từ hoạt động khác	2.079.586.179	21.086.142.942
<b>Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>29.443.797.206</b>	<b>21.218.454.996</b>

## 30. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	1.874.834.000	7.125.269.571
Từ chứng khoán vốn đầu tư	1.874.834.000	7.125.269.571
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.874.834.000</b>	<b>7.125.269.571</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**31. Chi phí hoạt động**

	Năm 2016	Năm 2015
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.241.471.115	9.104.137.709
2. Chi phí cho nhân viên	211.554.222.509	222.692.557.084
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	192.568.072.295	205.178.854.745
Các khoản chi đóng góp theo lương	16.754.960.423	16.616.011.683
Chi trợ cấp	774.899.436	859.292.788
Chi khác cho nhân viên	1.456.290.355	38.397.868
3. Chi về tài sản	100.668.937.618	121.634.069.984
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	24.176.160.767	32.152.610.121
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ	84.433.091.018	116.858.802.771
Trong đó:		
Công tác phí	2.617.237.904	3.363.181.708
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	4.470.000	20.635.500
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	14.331.224.116	13.985.511.848
6. Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	0	0
7. Chi phí hoạt động khác	0	735.527.368
<b>Tổng cộng</b>	<b>419.228.946.376</b>	<b>485.010.606.764</b>

**32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****32.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

	Năm 2016	Năm 2015
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	153.255.272.809	52.269.036.351
2. Các khoản mục điều chỉnh thu nhập chịu thuế:		
Trừ thu nhập được miễn thuế TNDN:	1.874.834.000	2.251.052.600
Thu nhập từ góp vốn, liên doanh, mua cổ phần	1.874.834.000	2.251.052.600
Cộng chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế:	1.759.780.234	2.076.343.114
3. Thu nhập chịu thuế	153.140.219.043	52.094.326.865
4. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	30.628.043.809	11.460.751.910
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.628.043.809	11.460.751.910
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.381.340.951	12.718.864.908
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước		
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.381.340.951)	(22.798.275.867)
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối kỳ	25.628.043.809	1.381.340.951

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## VII. Thông tin bổ sung một số khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

33. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	176.539.616.957	220.360.376.330
Tiền gửi tại NHNN	598.023.738.312	787.728.955.237
Tiền, ngoại hối gửi tại các TCTD khác (không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.191.994.536.496	2.614.185.995.537
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.966.557.891.765</b>	<b>3.622.275.327.104</b>

## VIII. Các thông tin khác

Đơn vị tính: Đồng

35. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân</b>	<b>1.431</b>	<b>1.495</b>
<b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>		
1. Tổng quỹ lương	171.899.977.411	184.299.214.478
2. Tiền thưởng	20.662.052.261	20.879.807.316
3. Thu nhập khác	0	0
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	192.562.029.672	205.179.021.794
5. Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.010.481	10.273.089
6. Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.213.722	11.436.958

## 36. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế GTGT	1.323.212.384	4.506.227.018	4.569.083.447	1.260.355.955
3. Thuế TNDN	1.381.340.951	30.628.043.809	6.381.340.951	25.628.043.809
9. Các loại thuế khác	505.719.973	7.137.587.513	7.084.223.242	559.084.244
10. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	88.000.000	88.000.000	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.210.273.308</b>	<b>42.359.858.340</b>	<b>18.122.647.640</b>	<b>27.447.484.008</b>

## 37. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

37.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu	Giá trị đến 31/12/2016	Giá trị đến 01/01/2016
a. Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của khách hàng		
Bất động sản	17.593.105.170.348	14.501.642.099.001
Động sản	10.653.889.744.590	9.054.786.817.883
Chứng từ có giá	3.744.334.989.841	1.897.227.150.567
Tài sản khác	2.170.044.407.601	2.446.699.841.989
<b>Tổng</b>	<b>34.161.374.312.380</b>	<b>27.900.355.909.440</b>

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 38. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2016
Bảo lãnh vay vốn	10.480.000.000	0
Cam kết giao dịch ngoại hối	1.362.778.500.000	0
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>332.385.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Cam kết giao dịch hoàn đổi</i>	<i>1.030.393.500.000</i>	<i>0</i>
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	331.917.282.325	130.709.890.738
<i>Cam kết thanh toán trong nghiệp vụ L/C</i>	<i>331.917.282.325</i>	<i>130.709.890.738</i>
Bảo lãnh khác	906.987.898.869	962.848.032.565
<i>Bảo lãnh thanh toán</i>	<i>218.934.681.507</i>	<i>280.159.594.714</i>
<i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	<i>134.902.729.619</i>	<i>179.493.909.149</i>
<i>Bảo lãnh dự thầu</i>	<i>47.060.427.505</i>	<i>30.092.104.386</i>
<i>Cam kết bảo lãnh khác</i>	<i>506.090.060.238</i>	<i>473.102.424.316</i>
Các cam kết khác	20.916.323.280	1.409.843.806.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.633.080.004.474</b>	<b>2.503.401.730.171</b>

## 39. Hoạt động ủy thác/ nhận ủy thác và đại lý TCTD

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn cho vay ủy thác đầu tư nhận từ các tổ chức	66.419.872.499	145.946.623.743

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex nhận ủy thác của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để cho các đơn vị thuộc Tập đoàn vay.

## 40. Các hoạt động ngoại bảng khác mà TCTD phải chịu rủi ro đáng kể

## 41. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư tại 31/12/2016 Phải thu (Phải trả)
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng		2.285.527.307.262
		Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng		1.200.000.000.000
		Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	10.318.424.500	3.961.312.500
		Phải thu khác	7.876.870.278	7.876.870.278
Các công ty con và công ty liên kết trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Các đơn vị có cùng cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng		341.046.552.419
		Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng		832.095.816.006
		Lãi phải trả tiền gửi	34.181.892.469	17.364.004.685
		Ngân hàng cho vay		987.056.023.925
		Lãi phải thu cho vay	51.764.271.667	1.507.453.859

## 2. Các sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc cần được thuyết minh, công bố trong các Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**43. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại ngày 31/3/2016.

**46. Quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

**46.1 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng, khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng ('rủi ro giao dịch'), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được tập trung vào một bộ phận quản lý rủi ro tín dụng chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Ban Tổng Giám Đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

**46.1.1 Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng****(a) Cho vay và bảo lãnh**

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng phân loại các khoản vay và trích lập dự phòng theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh như đã trình bày trong Thuyết minh IV.5.

**(b) Chứng khoán nợ**

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

**46.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng**

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thể chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là nắm giữ các tài sản đảm bảo cho các khoản tạm ứng vốn, một cách thức phổ biến. Các loại tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay và ứng trước gồm có:



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 46.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng (tiếp theo)

- Thẻ chấp đối với các bất động sản là nhà ở;
- Quyền đối với các tài sản hoạt động như trụ sở, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;
- Quyền đối với các công cụ tài chính như chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

Đối với các khoản cho vay có đảm bảo, tài sản thế chấp được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Tỷ lệ chiết khấu cho mỗi loại tài sản thế chấp được hướng dẫn trong Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được Ngân hàng điều chỉnh cho từng trường hợp cụ thể. Khi giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

## 46.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mờ của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 46.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Chi tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	0	176.540	0	0	0	0	0	176.540
II. Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	0	598.024	0	0	0	0	0	598.024
III. Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	0	323.995	868.009	0	0	0	0	1.191.995
IV. Chứng khoán kinh doanh (*)	0	0	0	0	0	0	0	0
V. Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác (*)	0	29.622	0	0	0	0	0	29.622
VI. Cho vay khách hàng (*)	665.452	0	3.588.808	5.643.247	5.667.657	1.447.290	521.678	17.534.132
VII. Chứng khoán đầu tư (*)	50.000	2.266.471	0	200.000	130.001	659.944	1.423.493	4.729.910
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	0	488	0	0	0	0	0	488
IX. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	0	167.477	0	0	0	0	0	167.477
X. Tài sản Có khác (*)	0	1.056.967	0	0	0	0	0	1.056.967
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>715.452</b>	<b>4.619.583</b>	<b>4.456.808</b>	<b>5.843.247</b>	<b>5.797.659</b>	<b>2.107.235</b>	<b>1.945.171</b>	<b>25.485.154</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
I. Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	0	0	1.716.484	1.010.226	0	0	0	2.726.710
II. Tiền gửi của khách hàng	0	0	9.280.816	3.911.078	4.784.250	320.972	0	18.297.116
III. Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Vốn tài trợ, vỹ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	0	0	0	21.884	0	0	0	21.884
V. Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0	0	0	0	0
VI. Các khoản nợ khác	0	283.482	0	0	0	0	0	283.482
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>0</b>	<b>283.482</b>	<b>10.997.300</b>	<b>4.943.187</b>	<b>4.784.250</b>	<b>320.972</b>	<b>0</b>	<b>21.329.192</b>
<b>Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>715.452</b>	<b>4.336.101</b>	<b>(6.540.492)</b>	<b>900.060</b>	<b>1.013.409</b>	<b>1.786.263</b>	<b>1.945.171</b>	<b>4.155.963</b>
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (trùng)	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng</b>	<b>715.452</b>	<b>4.336.101</b>	<b>(6.540.492)</b>	<b>900.060</b>	<b>1.013.409</b>	<b>1.786.263</b>	<b>1.945.171</b>	<b>4.155.963</b>

(\*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 46.2 Rủi ro thị trường

### 46.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng Việt Nam và do là Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trung thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	30.103	13.142	0	0	43.245
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	59.735	0	0	0	59.735
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	178.915	90.600	0	6.325	275.840
Chứng khoán kinh doanh (*)	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	0	0	0	0	0
Cho vay khách hàng (*)	2.183.558	0	0	0	2.183.558
Chứng khoán đầu tư (*)	0	0	0	0	0
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	0	0	0	0	0
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	164.133	0	0	0	164.133
Tài sản Cố khác (*)	2.616.445	103.742	0	3.614	2.730.125
<b>Tổng Tài sản</b>					
<b>Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu</b>					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	376.703	0	0	0	376.703
Tiền gửi của khách hàng	1.278.751	101.900	0	194	1.380.845
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	0	0	0	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0	0
Các khoản nợ khác	922	466	0	0	1.388
Vốn và các quỹ	0	0	0	0	0
<b>Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.656.376</b>	<b>102.366</b>	<b>0</b>	<b>194</b>	<b>1.758.936</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bang</b>	<b>960.009</b>	<b>1.376</b>	<b>0</b>	<b>9.745</b>	<b>971.189</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bang</b>	<b>332.385</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>332.385</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bang</b>	<b>1.292.454</b>	<b>1.376</b>	<b>0</b>	<b>9.745</b>	<b>1.303.574</b>

(\*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

## 46.2 Rủi ro thị trường

### 46.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn và không có nguồn vốn thay thế khi khách hàng rút vốn. Hậu quả có thể dẫn đến việc Ngân hàng không còn khả năng thanh toán đối với người gửi tiền và không thực hiện được các cam kết cho vay. Ngân hàng quản lý rủi ro thông qua:

- Kiểm soát hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngày
- Duy trì danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt
- Kiểm soát các chỉ số thanh khoản dựa trên báo cáo tình hình tài chính đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến ngày báo cáo:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Từ 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Từ 5 năm	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	0	0	176,540	0	0	0	0	176,540
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	0	0	598,024	0	0	0	0	598,024
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	0	0	1,191,995	0	0	0	0	1,191,995
Chứng khoán kinh doanh (*)	0	0	0	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	0	0	29,622	0	0	0	0	29,622
Cho vay khách hàng (*)	432,816	232,636	1,300,651	3,056,803	5,047,474	5,252,187	2,211,565	17,534,132
Chứng khoán đầu tư (*)	50,000	0	0	37,222	130,001	3,089,194	1,423,493	4,739,910
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	0	0	0	0	0	0	488	488
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0	167,477	167,477
Tài sản Có khác (*)	0	0	175,746	351,492	529,729	0	0	1,056,967
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>482,816</b>	<b>232,636</b>	<b>3,473,577</b>	<b>3,445,517</b>	<b>5,707,205</b>	<b>8,341,381</b>	<b>3,803,024</b>	<b>25,485,155</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	0	0	2,105,120	621,590	0	0	0	2,726,710
Tiền vay từ Chính phủ và NHNN	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiền gửi của khách hàng	0	0	5,451,852	4,040,873	5,368,329	3,436,061	0	18,297,116
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	0	0	0	21,884	0	0	0	21,884
Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0	0	0	0	0
Các khoản nợ khác	0	0	46,309	98,246	138,927	0	0	283,482
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7,603,281</b>	<b>4,782,593</b>	<b>5,507,256</b>	<b>3,436,061</b>	<b>0</b>	<b>21,329,192</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>482,816</b>	<b>232,636</b>	<b>(4,130,704)</b>	<b>(1,337,076)</b>	<b>199,948</b>	<b>4,905,319</b>	<b>3,803,024</b>	<b>4,155,963</b>

(\*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

**46. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****46.3 Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng có thể có khác biệt đối với giá trị hợp lý của chúng.

Hiện tại, Ngân hàng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Ngân hàng sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

**Người lập****Người phê duyệt****Người phê duyệt**




**Bà Nguyễn Thị Mai Lý**  
Phó phòng Tài chính kế toán

**Bà Nguyễn Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Quang Định**  
Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.